

**CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN THẢO**



**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN  
NĂM 2014**

**TP. Tuy Hòa, tháng 4 năm 2015**

## MỤC LỤC

Tầm nhìn

Sứ mệnh

### **Thông tin chung**

- Thông tin khái quát
- Quá trình hình thành và phát triển Công ty
- Những sự kiện quan trọng
- Thành tích Công ty
- Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
- Định hướng phát triển
- Các rủi ro

### **Tình hình hoạt động trong năm 2014**

- Tình hình thực hiện các chỉ tiêu kinh doanh trong năm 2014
- Tình hình thực hiện 2014 so với thực hiện năm 2013
- Tổ chức và nhân sự
- Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án
- Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

### **Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc**

- Tổng quan chung về môi trường kinh doanh
- Kết quả thực hiện kế hoạch SXKD và công tác điều hành năm 2014
- Phương hướng hoạt động năm 2015
- Giải pháp thực hiện chính yếu

### **Báo cáo của Hội đồng Quản trị**

- Tình hình hoạt động của HĐQT năm 2014
- Đánh giá tình hình hoạt động của Công ty trong năm 2014
- Những thay đổi chủ yếu trong năm
- Phương hướng hoạt động của HĐQT năm 2015

### **Báo cáo của Ban kiểm soát**

- Hoạt động của BKS
- Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính



- Tình hình thực hiện nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2014
- Kết quả giám sát hoạt động của HĐQT
- Kết quả giám sát hoạt động của Ban TGD
- Sự phối hợp hoạt động của BKS
- Kiến nghị của BKS
- Kế hoạch năm 2015 của BKS

#### **Quản trị Công ty**

- Hội đồng Quản trị
- Ban Kiểm soát
- Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban TGD, BKS

#### **Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán**



## **Tầm nhìn**

Bằng bản lĩnh và khát vọng tiên phong Thuận Thảo phải là một trong những công ty hàng đầu Việt Nam

Chúng tôi không tự hài lòng với những thành công mà Công ty đã đạt được, phải luôn phấn đấu nâng cao tầm vóc và giá trị Công ty.

## **Sứ mệnh: “Nâng cao giá trị cuộc sống”**

Chúng tôi cố gắng gia tăng giá trị của từng sản phẩm dịch vụ của mình để ngày càng nâng cao giá trị của khách hàng, nhân viên trong toàn Công ty, các đối tác và cộng đồng xã hội.

## **Giá trị cốt lõi: “Uy tín tạo dựng thành công”**

Với triết lý kinh doanh “ uy tín tạo dựng thành công” tập thể Công ty cùng tôn trọng và thực hiện các giá trị cốt lõi:

**Uy tín:** Chỉ có giữ gìn cam kết của mình đối với khách hàng, cổ đông, nhân viên và Cộng đồng thì Công ty mới tồn tại và phát triển.

**Vượt trội:** Chúng tôi luôn luôn tìm kiếm và thực hiện khác biệt trong các sản phẩm dịch vụ so với các đối thủ cạnh tranh.

**Đa dạng:** Chúng tôi luôn làm cho các hoạt động kinh doanh của mình trở nên uyển chuyển và các rủi ro của kinh doanh bị phân tán.

**Thân thiện:** Thuận Thảo phấn đấu không phải chỉ vì là một Công ty lớn, mà còn là một Công ty kinh doanh có môi trường thân thiện được khách hàng và nhân viên yêu chuộng.



**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN  
CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN THẢO**

**Năm báo cáo: Năm 2014**

*(Thực hiện theo Phụ lục số II, ban hành kèm theo  
Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05/4/2012 của Bộ Tài chính)*

**I. THÔNG TIN CHUNG**

**1. Thông tin khái quát**

- Tên giao dịch Tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN THẢO**
- Tên giao dịch tiếng Anh : Thuan Thao Corporation
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 4400123162 ,
- Vốn điều lệ : 435.030.000.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 435.030.000.000 đồng
- Địa chỉ : Số 03 Hải Dương - Tp Tuy Hòa - Phú Yên - Việt Nam
- Số điện thoại : (84-57) 3 824 229
- Số Fax : (84-57) 3 823 466
- Website : [www.thuanthao.com.vn](http://www.thuanthao.com.vn)
- Mã cổ phiếu : GTT
- Logo Công ty :



**2. Quá trình hình thành và phát triển Công ty**

- Công ty Cổ phần Thuận Thảo tiền thân là Doanh nghiệp Vận tải và Thương mại Thuận Thảo được thành lập vào năm 1997.
- Ngày 05/10/2007 Công ty chuyển đổi hình thức hoạt động thành Công ty TNHH Vận tải và Thương mại Thuận Thảo.
- Ngày 28/12/2009 Công ty chuyển đổi hình thức hoạt động thành Công ty Cổ phần Thuận Thảo.
- Ngày 30/6/2010 Công ty chính thức niêm yết cổ phần trên sàn giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh.

## Những sự kiện quan trọng

TT	Thời gian	Lĩnh vực hoạt động
01	1985-1996	Tổng đại lý phân phối hàng hóa của hơn 20 Công ty trong nước và Công ty liên doanh với nước ngoài tại địa bàn tỉnh Phú Yên và các tỉnh lân cận.
02	1997	Thành lập Doanh nghiệp tư nhân với tên gọi: Doanh nghiệp vận tải và thương mại Thuận Thảo, kinh doanh trên hai lĩnh vực chính là: Vận tải và Thương mại
03	1998	Xây dựng và đưa vào kinh doanh Thương xá Thuận Thảo
04	2000	Đầu tư nâng cấp Thương xá Thuận Thảo thành Siêu thị Thuận Thanh- Siêu thị tư nhân đầu tiên tại tỉnh Phú Yên
05	2001	Mở thêm lĩnh vực kinh doanh mới: Vận tải hành khách chất lượng cao
06	2002	Mở các chi nhánh kinh doanh tại tỉnh Bình Định và TP. HCM
07	2003	Thành lập Bến xe khách tư nhân đầu tiên tại Việt Nam với diện tích 1.800m <sup>2</sup>
08	2004	Xây dựng và đưa vào hoạt động Nhà máy sản xuất nước uống đóng chai SUGA. Đầu tư xây dựng Trung tâm Giải trí và Sinh Thái Thuận Thảo Xây dựng tổng kho hàng hóa Thuận Thảo
09	2005-2006	Tiếp tục Đầu tư mở rộng Trung tâm Giải trí và Sinh Thái Thuận Thảo tổng diện tích: 21.867,5m <sup>2</sup>
10	2007	Đầu tư xây dựng và khánh thành công trình Trung tâm Hội nghị - Triển lãm và Dịch vụ Du lịch Thuận Thảo Chuyển đổi thành công ty TNHH với tên gọi: Công ty TNHH vận tải và Thương mại Thuận Thảo Xây dựng mới Siêu thị Thuận Thanh rộng 2000m <sup>2</sup> khang trang và hiện đại
11	2008	Xây dựng và đưa vào hoạt động Giai đoạn 1 của khu Resort & Spa Golden Beach Xây dựng và đưa vào hoạt động khu vui chơi, giải trí và dịch vụ Thuận Thảo Land
12	2009	Khánh thành Khách Sạn 5 sao Cendeluxe Đầu tư xây dựng Nhà hát Sao Mai có sức chứa 3.500 chỗ ngồi Chuyển đổi thành Công ty Cổ Phần Thuận Thảo

13	2010	<p>Chứng khoán GTT chính thức niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán TP. HCM (Hose).</p> <p>Bắt đầu triển khai thực hiện dự án đưa 25 xe giường nằm thế hệ mới nhất của hãng Hyundai vào hoạt động, tổng vốn đầu tư 62,5 tỷ đồng.</p> <p>Triển khai xây dựng dự án nuôi chim yến với diện tích xây dựng 1.080m<sup>2</sup>.</p> <p>Tăng vốn điều lệ Công ty lên 435.030.000.000 đồng.</p> <p>Công ty đã ký biên bản ghi nhớ với Ban quản lý khu kinh tế Phú Yên về Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Đông Bắc Sông Cầu diện tích 100ha với tổng mức đầu tư ước tính 200 tỷ đồng.</p>
14	2011	<p>Công ty tiếp tục thực hiện đổi mới phương tiện với việc đầu tư thay thế và đưa vào hoạt động 30 xe Taxi Kia New Carens 2.0 phiên bản 2011 với tổng vốn đầu tư trên 15 tỷ đồng.</p> <p>Mở rộng dịch vụ vui chơi giải trí tại Trung tâm Hội nghị và Sinh Thái Thuận Thảo</p> <p>Đầu tư mới 2 xe tải 15 tấn với tổng vốn đầu tư 3,5 tỷ đồng.</p> <p>Triển khai đầu tư Dự án Khu du lịch nghỉ dưỡng Đá Bàn tại thôn Cẩm Tú, xã Hòa Kiến, TP. Tuy Hòa dự kiến 20 hecta với tổng mức đầu tư khoảng 100 tỷ đồng.</p>
15	2012	<p>Tiếp tục đầu tư mới 2 xe tải Hino 15 tấn và 02 xe tải nhỏ 1,4 tấn tổng vốn đầu tư 4,3 tỷ đồng</p> <p>Nâng cấp, sửa chữa, cải tạo các trang thiết bị, nhà cửa tại Trung tâm Hội nghị và Sinh Thái Thuận Thảo với tổng vốn đầu tư trên 7 tỷ đồng</p> <p>Đầu tư mới các dịch vụ vui chơi giải trí Trung tâm Hội nghị và Sinh Thái Thuận Thảo với tổng vốn đầu tư trên 3,3 tỷ đồng</p> <p>Đầu tư, nâng cấp hệ thống sản xuất đá tinh khiết và thay thế dây chuyền sản xuất nước tinh khiết Suga với tổng giá trị đầu tư trên 500 triệu đồng.</p> <p>Ký hợp đồng với Công ty TNHH Tư vấn Trần Đình Cửu với mục tiêu Tái cấu trúc hệ quản lý Công ty, tổng giá trị Hợp đồng 1,6 tỷ đồng</p>
16	2013	<p>Nâng cấp, sửa chữa, cải tạo nhà cửa, vật kiến trúc, máy móc, thiết bị với vốn đầu tư trên 5,6 tỷ đồng.</p> <p>Ký Hợp đồng với Công ty CP Phần mềm Quản lý Doanh nghiệp để trang bị phần mềm kế toán và quản lý Công ty với vốn đầu tư 0,5 tỷ đồng</p>

17	2014	<p>Tiếp tục đầu tư 05 xe giường nằm thế hệ mới nhất của hãng Hyundai vào hoạt động, tổng vốn đầu tư 16,3 tỷ đồng.</p> <p>Tiếp tục xây dựng bộ máy quản lý của Công ty nhằm củng cố và chuyên sâu cho các lĩnh vực kinh doanh đang hoạt động, Thuận Thảo hướng đến là đơn vị phục vụ tốt nhất. Việc đầu tư được xác định bằng việc xác định giá trị cốt lõi của từng ngành nghề kinh doanh để nâng cao chất lượng và chú trọng vào việc củng cố dịch vụ, đào tạo nghiệp vụ cho nhân viên.</p>
----	------	--

### Thành tích Công ty

- Năm 2005: Được tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ
- Năm 2006: được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Lao động hạng Ba. Giải thưởng Sao vàng Đất Việt.
- Năm 2007: Giải thưởng vì sự cống hiến cho Miền Trung; Cúp vàng Thương-Hiệu nhân.
- Năm 2008: Cờ thi đua xuất sắc của Chính phủ; Giải thưởng Sao vàng Đất Việt; Giải thưởng Sao Vàng khu vực Nam Trung Bộ - Tây Nguyên; Giải thưởng vì sự cống hiến cho Miền trung (lần hai); Cúp Vàng vì sự phát triển cộng đồng; Cúp vàng “Thương hiệu-Nhãn hiệu”; Danh hiệu: dịch vụ xe khách được hài lòng nhất (Báo SGTT).
- Năm 2009: Giải thưởng Sao Vàng Đất Việt; Cúp vàng vì sự phát triển cộng đồng; Cúp vàng “Thương hiệu-Nhãn hiệu”; Kỷ niệm chương cúp vàng “Thương hiệu-Nhãn hiệu”.
- Năm 2010: Danh hiệu: dịch vụ xe khách được hài lòng nhất (Báo SGTT); Bằng khen của Bộ Văn hóa Thể thao & Du lịch.
- Năm 2011: Danh hiệu: Doanh nghiệp Tín nhiệm, Danh hiệu: Dịch vụ xe khách được hài lòng nhất (Báo SGTT); Giấy khen của Hội Doanh nghiệp trẻ Phú Yên; Giải thưởng kiến trúc Quốc gia cho Khách sạn 5 sao CenDeluxe; Giải thưởng quốc tế International Quality Crown Award. Top 100 Nhà cung cấp đáng tin cậy tại Việt Nam năm 2011.
- Năm 2012: Bằng khen của Phòng thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI); Bằng khen của Hội doanh nhân trẻ Tỉnh Phú Yên; Giấy chứng nhận cơ quan văn hóa; Bằng khen của Công an Tỉnh Phú Yên; Bằng khen của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Tỉnh Phú Yên.
- Năm 2013: Bằng công nhận Doanh nghiệp văn hóa lần thứ 2.
- Năm 2014: Bằng công nhận Doanh nghiệp văn hóa lần thứ 3.



### **3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:**

#### **3.1. Ngành nghề kinh doanh:**

- Vận tải: Vận tải hành khách chất lượng cao, Taxi, Vận tải hàng hóa.
- Dịch vụ vui chơi, giải trí, nhà hàng, tổ chức sự kiện.
- Dịch vụ tư vấn bất động sản, môi giới bất động sản.
- Kinh doanh khách sạn.
- Sản xuất nước uống tinh khiết đóng chai. Sản xuất nước đá tinh khiết.

#### **3.2. Địa bàn kinh doanh:**

- Công ty Cổ phần Thuận Thảo, tại 03 Hải Dương, xã Bình Ngọc, TP. Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Thuận Thảo - Khách sạn Cendeluxe, tại 02 Hải Dương, xã Bình Ngọc, TP. Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Thuận Thảo tại Thành phố Quy Nhơn, tại Phòng vé xe khách chất lượng cao, Công ty CP Bến xe Bình Định, Đường Tây Sơn, Khu vực 5, Phường Ghềnh Ráng, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định.
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Thuận Thảo (Tỉnh Phú Yên), tại 236/6 Quốc lộ 13, Phường 26, Quận Bình Thạnh, TP. HCM.

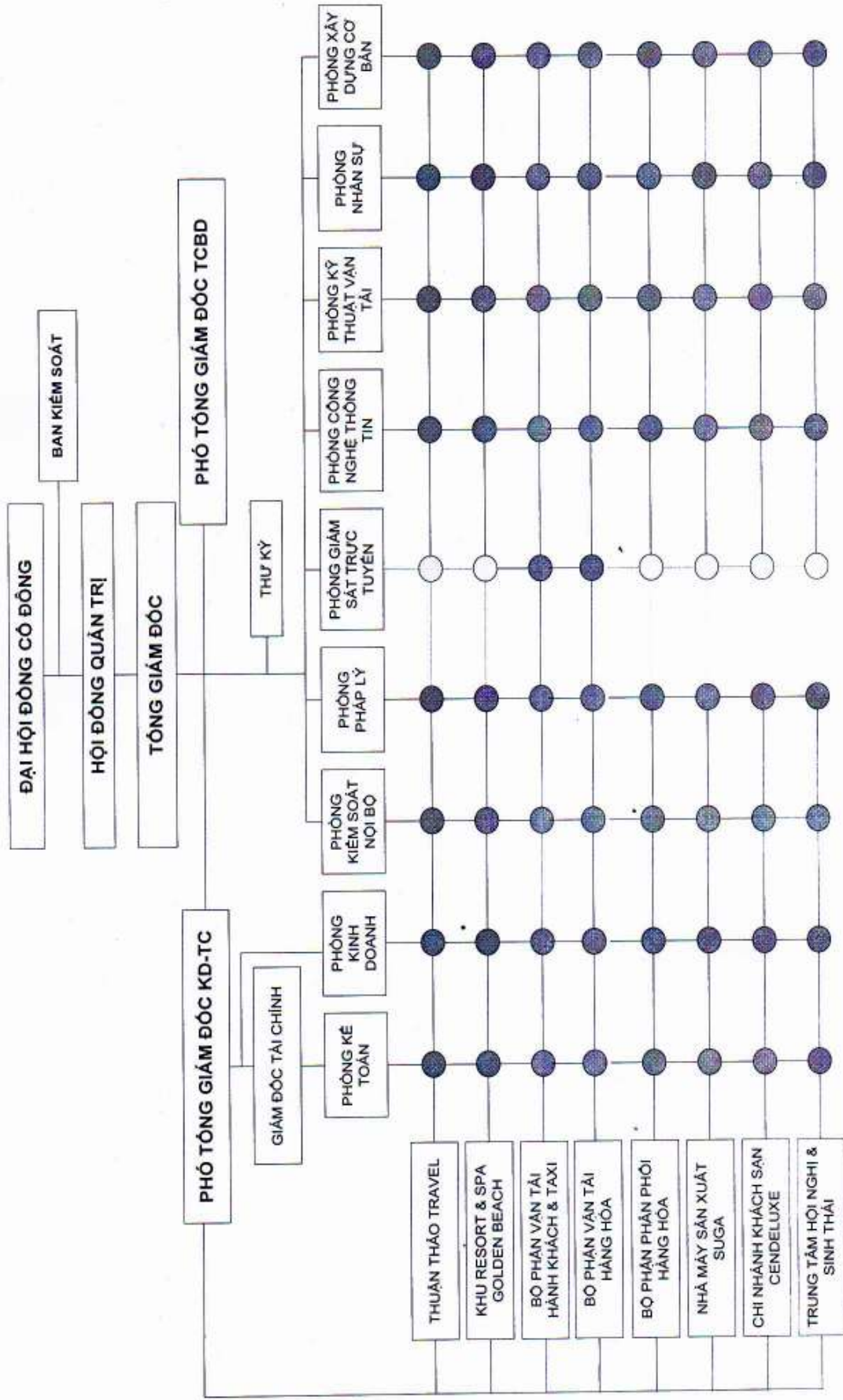
### **4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:**

#### **4.1. Mô hình quản trị:**

Công ty hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần theo qui định của Luật Doanh nghiệp và các qui định pháp luật liên quan:

- Đại hội đồng cổ đông: bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.
- Hội đồng quản trị: Là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
- Ban Tổng Giám đốc: Là cơ quan điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.
- Ban kiểm soát: Thực hiện nhiệm vụ thay mặt cho cổ đông kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, hoạt động quản trị và điều hành của Công ty.

#### **4.2. Cơ cấu bộ máy quản lý:**



Các Công ty con, công ty liên kết: Không có

## 5. Định hướng phát triển:

### 5.1. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

Với phương châm kinh doanh đa ngành nghề, luôn đi trước đón đầu, áp dụng công nghệ tiên tiến vào kế hoạch kinh doanh, luôn giữ chữ tín với khách hàng và các đối tác, lấy chất lượng sản phẩm làm mục tiêu phấn đấu và xây dựng văn hóa doanh nghiệp. Nên định hướng phát triển Công ty từ nay đến năm 2016 và tầm nhìn đến năm 2030 sẽ theo mô hình tập đoàn kinh tế đa ngành nghề, có thương hiệu mạnh trong nước và quốc tế, tiếp tục đa dạng hoá sản phẩm, chú trọng phát triển một cách bền vững, tập trung đầu tư chiều sâu vào lĩnh vực như Vận tải, Khách sạn, Kinh doanh dịch vụ ăn uống, và vui chơi giải trí.

#### – Khách hàng mục tiêu:

Là các tổ chức, các gia đình, đây là đối tượng khách hàng chính mà Công ty nhắm đến. Các tổ chức, các gia đình là phân khúc thị trường lớn có thu nhập ổn định, bền vững, có sức tiêu dùng cao, khả năng tạo doanh thu lớn.

#### – Sản phẩm dịch vụ chính:

Thế mạnh của các lĩnh vực kinh doanh hiện tại của Công ty:

Dịch vụ lưu trú: Khách sạn 5 sao.

Dịch vụ ăn uống: Nhà hàng, Khu vui chơi giải trí và đặc biệt là công nghệ tiệc cưới.

Dịch vụ vận tải: Vận tải hành khách, taxi và vận tải hàng hóa.

### 5.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

#### Tập trung đầu tư, phát triển chiều sâu các lĩnh vực:

- Khu vui chơi giải trí, nghỉ dưỡng Resort & Spa Golden
- Chuyên nghiệp, hiện đại dịch vụ tổ chức tiệc cưới, và các loại tiệc khác.
- Chuyên sâu khai thác, phát triển các lĩnh vực đã đầu tư: dịch vụ ăn uống, giải trí, nhà hàng.
- Phương tiện vận tải hành khách luôn luôn được thay thế đổi mới, mỗi một thế hệ xe mới không dùng quá 5 năm, đồng thời thiết lập, trang bị các tiện ích phục vụ tối ưu cho hành khách như bán vé, thanh toán qua mạng, các thiết bị giám sát hành trình ...
- Khách sạn tập trung vào khúc thị trường du lịch MICE, phấn đấu trong hai, ba năm tới Cendeluxe trở thành địa chỉ đầy uy tín của khúc thị trường này.
- Xây dựng hoàn chỉnh hệ thống KPIs để đánh giá thực hiện công việc của các bộ phận, phòng ban và tất cả nhân viên.

### 5.3. Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty:

- Tuân thủ đầy đủ và nghiêm túc các qui định pháp luật liên quan đến việc bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động của Công ty;
- Chia sẻ trách nhiệm vào việc chăm lo cho các hoàn cảnh khó khăn của cư dân địa phương nơi Công ty có cơ sở trú đóng bằng các đóng góp, tài trợ cho các hoạt động do chính quyền địa phương, cơ quan hữu quan phát động.
- Chăm sóc đời sống tinh thần, thực hiện tốt các chế độ phúc lợi cho người lao động Công ty.
- Tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động Công đoàn của Công ty.
- Các hoạt động tình nguyện vì cộng đồng thực hiện trên nguyên tắc thường xuyên, lâu dài và trực tiếp.

## 6. Các rủi ro:

### 6.1. Quản lý rủi ro vốn:

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ. Cấu trúc vốn của Công ty gồm có phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn cổ phần, các quỹ, và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

### 6.2. Các chính sách kế toán chủ yếu:

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính..

### 6.3. Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính:

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro lãi suất, rủi ro về giá, và rủi ro về giá hàng hóa), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

#### 6.3.1. Quản lý rủi ro thị trường:

- *Quản lý rủi ro lãi suất:* Công ty chịu rủi ro lớn về lãi suất đối với các khoản vay của Công ty. Rủi ro này được Công ty quản lý bằng cách duy trì mức độ hợp lý của các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.
- *Quản lý rủi ro về giá hàng hóa:* Công ty mua nguyên vật liệu, nhiên liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, nhiên liệu, hàng hóa.

#### 6.3.2. Quản lý rủi ro tín dụng:

- Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

### **6.3.3. Quản lý rủi ro thanh khoản:**

- Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

### **6.4. Rủi ro về nguồn nhân lực:**

- Việc tuyển dụng lao động phổ thông, nhất là tại khu vực nội thành ngày càng khó khăn, do chi phí lao động có xu hướng tăng.
- Chi phí lao động có xu hướng tăng trong các năm qua làm giảm khả năng cạnh tranh của Công ty nói riêng và các doanh nghiệp kinh doanh cùng lĩnh vực nói chung.

### **6.5. Rủi ro về thị trường và sản phẩm:**

- Nhìn chung, năm 2015 các tín hiệu từ thị trường có dấu hiệu tích cực hơn so với năm 2014. Chính phủ đã kiểm soát tốt chỉ số giá tiêu dùng (CPI).
- Để đạt được kết quả hoạt động trong năm 2015 tốt hơn năm 2014, cũng như để tạo ra lợi nhuận tốt hơn, Công ty phải đa dạng hóa sản phẩm, dịch vụ theo thị hiếu khách hàng, tiếp tục củng cố nâng cao chất lượng dịch vụ - phục vụ của các dịch vụ vận tải, nhà hàng ăn uống, tổ chức lễ tiệc, hội nghị, vui chơi, giải trí tại Trung tâm vui chơi, giải trí Thuận Thảo; đầu tư nâng cấp về cơ sở vật chất và trang thiết bị; xây dựng cảnh quan môi trường xanh tươi; bổ sung thêm các loại hình vui chơi mới hấp dẫn và hiện đại v.v..., để đưa khu vui chơi - giải trí Thuận Thảo trở thành một công viên vui chơi - giải trí có quy mô và chất lượng ngang tầm với các cơ sở kinh doanh du lịch - giải trí lớn của cả nước.

## II. Tình hình hoạt động trong năm 2014

### 1. Tình hình thực hiện các chỉ tiêu kinh doanh trong năm 2014

- Các mục tiêu trọng tâm trong năm 2014: Theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông năm 2014 thì trọng tâm và mục tiêu công tác của Công ty cụ thể như sau:

+ Các chỉ tiêu tài chính được giao:

*Đơn vị tính: Tỷ đồng*

TT	Chỉ tiêu	Giá trị
1	Doanh thu	375,154
2	Lợi nhuận sau thuế	37,983

+ Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2014:

*Đơn vị tính: Tỷ đồng*

TT	Chỉ tiêu	Giá trị
1	Doanh thu	221,278
2	Lợi nhuận sau thuế	(186,627)

Bảng so sánh kết quả thực hiện năm 2014 với các chỉ tiêu kế hoạch:

*Đơn vị tính: Tỷ đồng*

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch	Thực hiện	Tỉ lệ (%) hoàn thành kế hoạch
1	Doanh thu	375,154	221,278	58,98 %
2	Lợi nhuận sau thuế	37,983	(186,627)	-491,34 %

Chi tiết báo cáo tài chính năm 2014 đã được kiểm toán được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty: [www.thuanthao.com.vn](http://www.thuanthao.com.vn).

### 2. Tình hình thực hiện 2014 so với thực hiện năm 2013

*Đơn vị tính: Tỷ đồng*

S T T	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2014	Thực hiện năm 2013	So sánh thực tế 2014/2013
1	Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	221,278	284,600	77,75 %

2	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(158,881)	(82,349)	7,06 %
3	Tổng lợi nhuận trước thuế TNDN	(186,627)	1,003	-18.597 %
4	Tổng lợi nhuận sau thuế TNDN	(186,627)	0,702	- 26.549 %

## 2. Tổ chức và nhân sự

### 2.1. Danh sách Ban điều hành:

#### a. Tổng Giám đốc

Họ và tên : **VÕ THỊ THANH**  
Giới tính : Nữ  
Ngày tháng năm sinh : 28/06/1955  
Nơi sinh : Hòa Thắng – Phú Hòa - Phú Yên  
CMND/Hộ chiếu : 220113601 Ngày cấp: 03/10/2010 tại Công an Phú Yên  
Quốc tịch : Việt Nam  
Địa chỉ thường trú : 44 Nguyễn Thái Học – Tuy Hòa – Phú Yên  
Trình độ chuyên môn : Cử nhân Luật  
Quá trình công tác : Từ năm 1985 đến nay làm việc tại Công ty CP Thuận Thảo  
Số lượng cổ phần thuộc sở hữu cá nhân: 15.093.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 34,69% vốn điều lệ  
Số lượng cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ

#### b. Phó Tổng Giám đốc

Họ và tên : **VÕ THANH MINH HÀNG**  
Giới tính : Nữ  
Ngày tháng năm sinh : 16/02/1977  
Nơi sinh : An Thạch, Tuy An, Phú Yên  
CMND/Hộ chiếu : 220985216 Ngày cấp: 30/10/2002 tại Công an Phú Yên  
Quốc tịch : Việt Nam  
Địa chỉ thường trú : 44 Nguyễn Thái Học – Phường 5 – TP.Tuy Hòa – Phú Yên  
Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác : Từ năm 1998 đến nay làm việc tại Công ty Cổ phần Thuận Thảo

Số lượng cổ phần thuộc sở hữu cá nhân: 435.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 1% vốn điều lệ

Số lượng cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ

### ***c. Phó Tổng Giám đốc***

Họ và tên : **HUỖNH SỸ CHIẾN**

Giới tính : Nam

Ngày tháng năm sinh : 21/04/1974

Nơi sinh : Tuy An, Phú Yên

CMND/Hộ chiếu : 221112947

Quốc tịch : Việt Nam

Địa chỉ thường trú : Tổ 11 – KP 3 - Phường 2 – TP.Tuy Hòa - Tỉnh Phú Yên

Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác : Từ năm 2000 đến nay: làm việc tại Công ty Cổ phần Thuận Thảo

Số lượng cổ phần thuộc sở hữu cá nhân: 18.750 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,04% vốn điều lệ

Số lượng cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ

### ***d. Kế toán trưởng***

Họ và tên : **NGUYỄN VĂN NHƯ**

Giới tính : Nam

Ngày tháng năm sinh : 11/06/1978

Nơi sinh : Hòa Thắng – Phú Hòa – Phú Yên

CMND/Hộ chiếu : 220968834 Ngày cấp: 21/3/2011 tại Công an Phú Yên

Quốc tịch : Việt Nam

Địa chỉ thường trú : Thôn Mỹ Hòa – Hòa Thắng – Phú Hòa – Tỉnh Phú Yên

Trình độ chuyên môn : Cử nhân kế toán

Quá trình công tác : Từ năm 2002 đến nay làm việc tại Công ty Cổ phần Thuận Thảo

Số lượng cổ phần thuộc sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ

Số lượng cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ

## ***2.2. Những thay đổi trong ban điều hành:***

- Năm 2014 Ban Điều hành Công ty không có sự thay đổi: có 03 người (Tổng Giám đốc và 02 Phó Tổng Giám đốc). Trong tình hình khó khăn chung của nền kinh tế, Ban Tổng



Giám đốc và các cán bộ quản lý khác đã cố gắng, nỗ lực trong công tác điều hành để duy trì ổn định Công ty, duy trì và bảo toàn vốn của các cổ đông. Công tác chỉ đạo, điều hành của Ban Tổng Giám đốc được thực hiện theo đúng nghị quyết của Đại hội cổ đông, các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

**2.3. Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động:**

- a. Số lượng CBCNV tại thời điểm 31/12/2014: 978 lao động.
- b. Các chính sách đối với người lao động:
  - Thực hiện các chính sách đối với người lao động theo Luật Lao động, Luật BHXH như: ký HĐLĐ, thời giờ làm việc và nghỉ ngơi, nghỉ Lễ, phép, việc riêng; trả lương làm thêm giờ, phụ cấp ca đêm; các chế độ BHXH, BHYT; kỷ luật lao động, chính sách đối với lao động nữ; an toàn – BHLĐ.
- c. Các chế độ phúc lợi khác.
  - Thương các dịp Lễ, Tết, thưởng thành tích cuối năm.
  - Bồi dưỡng hiện vật tại chỗ.
  - Khám sức khỏe định kỳ, bệnh nghề nghiệp hằng năm.
  - Đồng phục và BHLĐ.
  - Các khoản trợ cấp khác: Trợ cấp khó khăn, trợ cấp tang chế, chế độ nghỉ mát hằng năm; chế độ công tác phí; trợ cấp tiền xăng ...
  - Tạo điều kiện thuận lợi cho nhân viên về nhà ở đối với nhân viên làm việc xa nhà. (Đối với các nhân viên tại Chi nhánh Tp HCM, Khách sạn, Sinh thái).
  - Công ty thường xuyên tổ chức các hoạt động ngoại khóa: tham quan, du lịch nhằm tạo dựng một tập thể đoàn kết và vững mạnh. Tổ chức các hoạt động văn nghệ, thể dục thể thao và các hoạt động tinh thần khác nhân các ngày lễ, các dịp kỷ niệm trong năm như: Quốc tế Phụ nữ, Quốc tế thiếu nhi, Ngày phụ nữ Việt Nam, ngày Quốc tế lao động, ngày thành lập Công đoàn Việt Nam ...

**3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án**

- 3.1. Các khoản đầu tư lớn: **Không có**
- 3.2. Các Công ty con, Công ty liên kết: **Không có**

**4. Tình hình tài chính**

**4.1. Tình hình tài chính**

Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	% tăng/giảm
Tổng giá trị tài sản	1.575.617.398.815	1.502.241.495.151	95,34 %
Doanh thu thuần	284.600.440.932	221.278.431.991	77,75 %
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(82.349.283.595)	(158.881.767.572)	7,06 %

Lợi nhuận khác	83.352.811.626	(27.746.181.064)	-33,29 %
Lợi nhuận trước thuế	1.003.528.031	(186.627.948.636)	-18.597 %
Lợi nhuận sau thuế	702.930.690	(186.627.948.636)	-26.549 %
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	0,16%	-42,9%	

#### 4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	Ghi chú
<b>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>			
- Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	0,81	0,63	
- Hệ số thanh toán nhanh: <u>TSLĐ - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn	0,81	0,62	
<b>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>			
- Hệ số nợ/Tổng tài sản	71,39%	82,42%	
- Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	249,49%	468,72%	
<b>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>			
- Vòng quay hàng tồn kho <u>Giá vốn hàng bán</u> Hàng tồn kho bình quân	48,28	4.314,91	
- Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,18	0,15	
<b>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>			
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,25%	-84,34%	
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,16%	-70,65%	

- Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,04%	-12,42%	
- Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	-28,94%	-71,80%	

## 5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

### 5.1. Cổ phần:

Stt	Cổ phiếu	2014	2013
1	Tổng số cổ phần	43.503.000	43.503.000
2	Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	43.503.000	43.503.000
	2.1. Cổ phiếu phổ thông	43.503.000	43.503.000
	2.2. Cổ phiếu ưu đãi	0	0
3	Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	43.503.000	43.503.000
	3.1. Cổ phiếu lưu hành tự do	43.503.000	43.503.000
	3.2. Cổ phiếu hạn chế theo quy định	0	0
4	Số lượng cổ phiếu giao dịch nước ngoài hoặc bảo trợ phát hành niêm yết tại nước ngoài	0	0

### 5.2. Cơ cấu cổ đông:

Tại thời điểm chốt danh sách cổ đông ngày 18/03/2015 để tổ chức ĐHCĐ thường niên 2014, cơ cấu cổ đông của Công ty như sau:

TT	Phân loại	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ
1	Tổng số cổ phần	43.503.000	100%
2	Cổ đông lớn sở hữu từ 5% tổng số cổ phần trở lên, trong đó:	15.093.000	34,69%
		15.093.000	34,69%
2.1	Trong nước		
2.2	Nước ngoài	0	0%
3	Cổ đông nhà nước	0	0%
4	Cổ đông sở hữu từ 1% đến dưới 5% tổng số cổ phần	5.128.550	11,8%

5	Cổ đông sở hữu nhỏ hơn 1% tổng số cổ phần	23.281.450	53,5%
5.1	Trong nước	23.072.235	53%
5.2	Nước ngoài	209.215	4,6%
6	Cổ đông là nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp (sở hữu < 5%), trong đó:	54	0,0001%
6.1	Trong nước	54	0,0001%
6.2	Nước ngoài	0	0%
7	Cổ đông cá nhân, trong đó:	43.278.516	99,5%
7.1	Trong nước	43.270.001	99,4%
7.2	Nước ngoài	8.515	0,02%
8	Công đoàn Công ty	0	0%
9	Cổ phiếu quỹ	0	0%

**5.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:**

Trong năm 2014, Công ty không có thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.

**5.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ:**

Trong năm 2014, Công ty không có giao dịch cổ phiếu quỹ.

**5.5. Các chứng khoán khác:**

Công ty không phát hành các loại chứng khoán khác

### III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc

#### 1. Tổng quan chung về môi trường kinh doanh:

Năm 2014 tình hình kinh tế thế giới có dấu hiệu phục hồi sau suy thoái nhưng triển vọng chưa vững chắc. Ở trong nước tình hình lạm phát được kiềm chế nhưng mục tiêu tăng trưởng kinh tế chưa đạt kế hoạch đề ra, tỷ lệ nợ xấu ngân hàng vẫn ở mức cao. Tái cơ cấu kinh tế, chuyển đổi mô hình tăng trưởng còn chậm so với lãi suất ngân hàng, sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp chịu áp lực từ những bất ổn về kinh tế và chính trị của thị trường thế giới diễn biến phức tạp trên Biển đông, cùng với khó khăn từ những năm trước chưa được giải quyết triệt để như áp lực về khả năng hấp thụ vốn của nền kinh tế chưa cao; sức ép nợ xấu còn nặng nề; hàng hóa trong nước tiêu thụ chậm. Tất cả đã ảnh hưởng đến sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp Việt Nam nói chung và Công ty CP Thuận Thảo cũng không nằm ngoài những khó khăn đó.

#### 2. Kết quả thực hiện kế hoạch SXKD và công tác điều hành năm 2014:

**Đánh giá tình hình thực hiện các chỉ tiêu kinh doanh:**

Stt	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2014	Thực hiện 2014	Tỉ lệ % so với kế hoạch
1	Doanh thu từ HĐKD (tỷ đồng)	375,154	221,278	58,98 %
2	Lợi nhuận trước thuế (tỷ đồng)	50,644	-186,627	-369 %
	Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)	37,983	-186,627	-491 %
3	Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu (%)	10,12 %	-84,2 %	
5	Cổ tức	6-7 %	0	

##### 2.1 Chỉ tiêu doanh thu:

Tổng doanh thu thực hiện trong năm 2014 so với Nghị quyết chỉ đạt 58.98 %; tốc độ tăng trưởng so với năm 2013 đạt 77,9 %, trong đó cơ cấu doanh thu như sau:

- Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ vận tải hành khách, hàng hóa và Taxi thực hiện 123,777 tỷ đồng so với năm 2013 giảm -28,3%.
- Doanh thu kinh doanh du lịch, khách sạn và nhà hàng 54,443 tỷ đồng so với năm 2013 giảm -11,3 %.
- Doanh thu kinh doanh thương mại 34,341 tỷ đồng so với năm 2013 giảm -18,2 %.
- Doanh thu thành phẩm nước Suga 8,715 tỷ đồng so với năm 2013 tăng 0,1 %.

##### Nguyên nhân:

Kết quả kinh doanh năm 2014 chưa đạt như mong đợi, các chỉ tiêu cơ bản giảm và chưa đạt so với Nghị quyết ĐHĐCĐ và so với năm trước xuất phát từ các nguyên nhân vĩ mô nêu trên còn có một số nguyên nhân khác như:

- Việc giảm cầu tại thị trường địa phương, thị trường ngoài tỉnh là nguyên nhân đầu tiên đối với các lĩnh vực kinh doanh của công ty,
- Khó khăn trong việc tiếp cận vốn vay, giá nguyên vật liệu đầu vào tăng cao đặc biệt là xăng dầu trong năm đã 15 lần tăng giá làm ảnh hưởng trực tiếp đến tình hình kinh doanh của Công ty trong năm 2014.



- Việc đầu tư của dự án Khu du lịch Sinh thái dần trải, dịch vụ trùng lặp, cơ sở hạ tầng xuống cấp ảnh hưởng đến chất lượng dịch vụ.
- Dự án Khách sạn đầu tư với tiêu chuẩn quá tầm so với thị trường địa phương, lượng khách ngoài tỉnh hạn chế do hạn chế sản phẩm du lịch của Tỉnh, các dự án đầu tư tại Phú Yên chậm hoặc không triển khai nên việc khai thác không hiệu quả.
- Việc thực hiện tái cấu trúc bộ máy nhân sự quản lý công ty chưa phát huy được hiệu quả, trách nhiệm còn chông chéo chưa rõ ràng dẫn đến xử lý công việc còn trì trệ, thiếu chuyên nghiệp. Bộ máy Lãnh đạo Công ty hiện tại chưa xứng tầm với quy mô đầu tư và yêu cầu tổ chức bộ máy hoạt động kinh doanh của Công ty hiện tại.
- Chưa khai thác hết lợi thế của Thuận Thảo về thương hiệu, dự án đầu tư và hệ thống phân phối để phát triển cơ sở khách hàng.
- Ngày càng có nhiều đối thủ cạnh tranh với lợi thế kinh doanh mới và một số đối thủ tồn tại với chiêu thức kinh doanh và cạnh tranh không lành mạnh.

## 2.2 Chỉ tiêu lợi nhuận:

- Năm 2014 lỗ tổng số là 186,627 tỷ đồng, trong đó lỗ của năm trước là: 25,519 tỷ đồng do thực hiện hồi tố ý kiến ngoại trừ của kiểm toán tại báo tài chính được kiểm toán năm 2013 gồm Công ty đã không ghi nhận chi phí phạt chậm nộp thuế với số tiền là 13,187 tỷ đồng và phân bổ giá trị lợi thế thương mại với số tiền là 12,332 tỷ đồng trong báo cáo tài chính năm 2013 mà thực hiện ghi nhận trực tiếp vào báo cáo tài chính năm 2014. Như vậy số thực lỗ của năm 2014 là : 161,108 tỷ đồng.
- Nguyên nhân lỗ chủ yếu là do doanh thu các hoạt động kinh doanh chính của Công ty không đủ bù đắp các khoản chi phí lớn như chi phí lãi vay 91,108 tỷ đồng, chi phí khấu hao 36,117 tỷ đồng, chi phí phạt nộp chậm thuế, chi phí tiền lương ...
- Để cải thiện tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty, Ban Lãnh đạo Công ty đang thực hiện làm việc lại với các tổ chức tín dụng để xin giảm, miễn lãi suất cho vay và chi phí lãi vay phải trả của các năm trước và làm việc với cơ quan thuế xin gia hạn, miễn giảm cho các khoản thuế phạt chậm nộp của Công ty. Ngoài ra, Công ty thực hiện tiết giảm chi phí hoạt động như tái cơ cấu lại bộ máy nhân sự. Với những biện pháp này, Ban Lãnh đạo Công ty tin rằng tình hình hoạt động kinh doanh trong năm 2015 của Công ty sẽ được cải thiện.

## 3. Phương hướng hoạt động kinh doanh năm 2015:

### 3.1 Dự báo tình hình :

- Theo nhận định về kinh tế Việt nam 2015 của các chuyên gia kinh tế: Kinh tế Việt Nam đang đứng trước những dấu hiệu cả tích cực lẫn tiêu cực. Tuy nhiên, giai đoạn trước mắt, Việt Nam vẫn nên chú trọng vào duy trì ổn định hơn là tăng trưởng nhanh. Theo đó, phương hướng hoạt động kinh doanh của Thuận Thảo trong năm 2015 được HĐQT và Ban Tổng Giám đốc Công ty thống nhất và trình ĐHCĐ, thông qua:

### 3.2 Mục tiêu:

- |                        |   |                |
|------------------------|---|----------------|
| - Tổng doanh thu       | : | 264,60 tỷ đồng |
| - Lợi nhuận trước thuế | : | 5,50 tỷ đồng   |
| - Lợi nhuận sau thuế   | : | 4,29 tỷ đồng   |

### 3.3.1 Chiến lược kinh doanh:

- Tiếp tục tái cấu trúc hệ thống quản lý Công ty đồng thời chuyên sâu khai thác, phát triển các lĩnh vực đã đầu tư: Dịch vụ ăn uống, giải trí, nhà hàng, khách sạn, vận tải... nhằm nâng cao năng lực quản trị, khả năng cạnh tranh và chất lượng, hiệu quả hoạt động.
- Tiếp tục xây dựng chiến lược trung và dài hạn cho việc tái cơ cấu tài chính của Công ty.
- Tập trung nguồn lực để triển khai các dự án có hiệu quả, mang lại nhiều lợi nhuận cho Cổ đông và tạo dòng tiền cho Công ty như: Đổi mới phương tiện và tăng đầu xe cho Vận tải hành khách và Vận tải hàng hóa và một số dự án khác có lợi nhuận cao.
- Liên kết tổ chức các sự kiện mang tầm quốc gia, khu vực để tạo ra những điểm nhấn, sức hấp dẫn thu hút khách du lịch đến với Phú Yên, đến với Thuận Thảo.
- Phát triển lĩnh vực phục vụ du lịch ra tầm khu vực Nam Trung Bộ.
- Tìm kiếm, xây dựng và thực hiện liên doanh, liên kết với các nhà đầu tư, đối tác khách hàng để mang lại giá trị cao nhất đối với các dự án.
- Đẩy mạnh và phát huy hiệu quả công tác marketing và truyền thông cho sản phẩm dịch vụ toàn Công ty.
- Tiếp tục chủ động hơn trong quan hệ và duy trì cơ chế thông tin đối với cổ đông, nhà đầu tư nhằm đảm bảo thông tin được minh bạch, tạo sự tin tưởng, an tâm cho các cổ đông, nhà đầu tư.

#### **4. Giải pháp thực hiện chính yếu:**

##### **4.1 Về hoạt động kinh doanh và đầu tư:**

- Đối với các bộ phận Vận tải hành khách: Mở thêm điểm bán vé dọc trên Quốc lộ 1A để thực hiện bán nổi tuyến khi mùa thấp điểm, thực hiện bán vé xe và thanh toán qua mạng, để tạo thuận lợi cho khách hàng, thanh lý các xe ghế 45 chỗ đã sử dụng trên 5 năm đầu tư xe mới 29 chỗ để chạy các tuyến ngang và hợp đồng du lịch, thăm quan, mở thêm từ 1 đến 2 tuyến mới.
- Đối với Bộ phận Taxi thanh lý 50% xe 7 chỗ hiện tại để đầu tư mới xe 4 chỗ để đủ sức cạnh tranh và phù hợp với thị trường hiện nay.
- Đối với Bộ phận Vận tải hàng hóa thanh lý 8 xe cũ và đầu tư mới 4 xe Hino.
- Đối với Khách sạn chú trọng khúc thị trường MICE, tiệc cưới, hội nghị, sinh nhật tạo sự khác biệt với các đối thủ cạnh tranh trực tiếp, đẩy mạnh khai thác thị trường khách tour, giao chỉ tiêu cụ thể cho Công ty H&K trong việc đưa khách về Khách sạn.
- Riêng đối với Khu du lịch Sinh thái sẽ rà soát lại nhân sự và đào tạo nâng cao nghiệp vụ phù hợp với chất lượng dịch vụ cam kết cung cấp cho khách hàng; Khảo sát đánh giá mức độ xuống cấp của các công trình hiện tại nhằm cải tạo nâng cấp và làm mới; tôn tạo lại cảnh quang một số khu vực phù hợp với mô hình kinh doanh; quy hoạch lại dịch vụ tránh trùng lặp; cải tiến thực đơn món ăn, tổ chức thi tay nghề cho đầu bếp. Chú trọng khai thác tiệc quy mô lớn, phát huy lợi thế độc quyền hiện tại.

- Đối với bộ phận Resort: mở rộng công suất phục vụ khách hàng vào mùa nắng tận dụng tối đa bờ biển, tiến hành đầu tư giai đoạn 2 dự án Resort tại thể mạnh trong lợi thế cạnh tranh.
- Đối với Bộ phận nước uống đóng chai phải mở rộng thị trường sử dụng hết công suất đã đầu tư.

#### **4.2 Về lương, thưởng:**

- Đối với các Bộ phận, Chi nhánh trực tiếp kinh doanh, phục vụ thì áp dụng khoán lương trên lợi nhuận; Đối với các Phòng, Ban trả lương theo đánh giá KPIs hàng tháng. Từ đó khuyến khích người lao động cải tiến và phát huy tối đa hiệu suất công việc, đồng thời kích thích tinh thần lao động tích cực của nhân viên.

#### **4.3 Về nhân sự:**

- Rà soát tinh giảm bộ máy nhân sự, quy hoạch lại con người bố trí đúng người đúng việc phát huy thế mạnh của từng người.
- Tăng cường nhân sự của bộ máy Lãnh đạo để đủ mạnh điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
- Xây dựng chính sách thu hút được nhân tài và giữ được nhân sự có năng lực để hoàn thiện bộ máy.
- Chú trọng công tác tuyển dụng, đào tạo, nâng cao kỹ năng, nghiệp vụ đội ngũ nhân viên đảm bảo hoàn thành tốt nhất yêu cầu ngày càng cao của công việc.

#### **4.4 Về thị trường:**

- Duy trì và phát triển thị phần trong nhóm khách hàng cũ trên cơ sở phân tích bán hàng và nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng. Phát triển khách hàng mới trên cơ sở nghiên cứu đối thủ cạnh tranh, khách hàng chiến lược mới, phân tích nội bộ...nhằm xây dựng chiến lược, chính sách cạnh tranh trong ngắn hạn và dài hạn.

#### **4.5 Về quản lý chi phí:**

- Luôn luôn đẩy mạnh các hoạt động cải tiến, cắt giảm một cách tối đa các lãng phí phát sinh trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh. Giảm tối đa chi phí quản lý bằng việc cấp phát chi phí theo định mức nhằm giảm giá thành, tăng sức cạnh tranh, tăng lợi nhuận.

#### **4.6 Về Marketing:**

- Tiếp tục triển khai thực hiện đồng bộ, linh hoạt và tích cực hơn nữa các giải pháp trong chiến lược Marketing tổng hợp. Đẩy mạnh các hoạt động truyền thông, quảng bá các sản phẩm/dịch vụ nhằm khẳng định và đưa hình ảnh Thuận Thảo ngày càng trở nên thân thuộc với công chúng và khách hàng. Tăng cường quan hệ cổ đông, công tác đối ngoại.

#### **4.7 Về tình hình tài chính:**

- Tập trung thu hồi công nợ, thu hồi các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn để giảm chi phí tài chính tăng lợi nhuận và có nguồn vốn để tái đầu tư.

#### **Kết luận:**

- Trong bối cảnh môi trường kinh tế quốc tế vẫn đang có những diễn biến phức tạp, nền kinh tế trong nước chưa mấy khởi sắc, các giải pháp kinh doanh năm 2015 của



Thuận Thảo tập trung hướng tới những mục tiêu phát triển bền vững và lâu dài, nhằm củng cố và phát huy những giá trị cốt lõi trên nền tảng nội lực vững chắc mà Thuận Thảo xây dựng trong suốt 25 năm qua.

- Trong thời gian tới, Thuận Thảo sẽ tập trung vào việc đầu tư chiều sâu cho hoạt động của các lĩnh vực kinh doanh; với sự hậu thuẫn của Quý vị cổ đông, HĐQT, BTGD cùng tập thể người lao động toàn Công ty ra sức củng cố và phát huy những thành quả kinh doanh đã đạt được; không ngừng đổi mới phương thức kinh doanh, xây dựng thương hiệu ngày càng vững mạnh; tiếp tục nâng cao và hoàn thiện chất lượng sản phẩm/dịch vụ, phục vụ... với mong muốn thỏa mãn tốt nhất nhu cầu của khách hàng, vì mục tiêu phấn đấu của Công ty: “*Thuận Thảo là đơn vị cung cấp dịch vụ tốt nhất*”.

TP. Tuy Hòa, ngày 02 tháng 04 năm 2015

**TỔNG GIÁM ĐỐC**



**VÔ THỊ THANH**

#### IV. TỔNG KẾT TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2014

##### 1. Tình hình hoạt động của HĐQT năm 2014

- Năm 2014 cũng là một năm thăng trầm của nền kinh tế, tình hình chung của nền kinh tế vẫn chưa hết khó khăn. Đối với Tỉnh Phú Yên việc chuyển dịch kinh tế diễn ra chậm cụ thể: các dự án đầu tư thì chậm triển khai hoặc không triển khai, một số dự án Tỉnh thu hồi. Đặc biệt đối với ngành nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty CP Thuận Thảo là dịch vụ thì năm qua là một năm đầy bất lợi: về giá xăng dầu, về phát triển Du lịch tại tỉnh nhà.
- Trong điều kiện nền kinh tế bất lợi, HĐQT đã điều hành và chỉ đạo Công ty theo hướng duy trì và củng cố chất lượng dịch vụ nhằm đáp ứng nhu cầu của đối tượng khách hàng đang hướng tới của từng sản phẩm, dịch vụ đang kinh doanh từ đó định hình một cách rõ ràng về mô hình tổ chức hoạt động. Không mở rộng quy mô hoạt động dàn trải mà tinh lọc chú trọng vào các sản phẩm/ dịch vụ có khả năng mang lại lợi nhuận cao. Đây cũng là tiền đề và định hướng cho hoạt động Công ty trong năm 2015.
- Năm 2014 Hội đồng quản trị có bổ sung thêm 1 thành viên HĐQT được bầu tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên 2014. Nâng tổng số thành viên HĐQT là 5 thành viên đúng nội dung đã quy định tại Điều lệ Công ty hiện hành, cụ thể:

TT	HỌ TÊN	CHỨC VỤ	CHỨC VỤ KIỂM NHIỆM
1	Bà Võ Thị Thanh	Chủ tịch HĐQT	Tổng Giám đốc
2	Ông Võ Văn Thuận	Thành viên HĐQT	Cố vấn
3	Bà Võ Thanh Minh Hằng	Thành viên HĐQT	Phó TGD
4	Bà Đặng Thị Nguyệt Thương	Thành viên HĐQT	Giám đốc tài chính
5	Ông Lương Ngọc Khánh	Thành viên HĐQT	Không

- HĐQT đã tổ chức 8 cuộc họp HĐQT và họp HĐQT mở rộng bằng nhiều hình thức để thực hiện các Nghị quyết của Đại hội, thông qua các kế hoạch và các báo cáo kết quả kinh doanh; hoạch định chiến lược kinh doanh theo quý, năm; định hướng chiến lược về phát triển kinh doanh.
- HĐQT cử thành viên tham gia tất cả các cuộc họp giao ban của Ban Tổng Giám đốc để nắm sát tình hình chỉ đạo, quản lý điều hành của Ban Tổng Giám đốc, đảm bảo cân đối hài hòa lợi ích của Công ty, của Cổ đông và Đối tác cũng như quyền lợi của người lao động.
- HĐQT chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc tạm ngưng một số mảng kinh doanh dàn trải, không hiệu quả, tập trung phát triển chuyên sâu, củng cố chất lượng dịch vụ. Tái cấu trúc lại bộ máy quản lý và nhân sự theo hướng tinh giảm, ngày càng chuyên nghiệp và có chất lượng.
- Hoạt động của các tiểu ban thuộc HĐQT:

- + Tiểu ban nhân sự: tham gia giám sát chỉ đạo công tác điều hành nhân sự của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Góp ý trong việc xây dựng các chính sách cho người lao động trong Công ty.
- + Tiểu ban lương thưởng: chỉ đạo sâu sát việc xây dựng chính sách thưởng kích thích trên doanh thu hoặc lợi nhuận để tạo động lực cho các bộ phận nỗ lực phấn đấu.

## 2. Đánh giá tình hình hoạt động của Công ty trong năm 2014

- Các mục tiêu trọng tâm trong năm 2014: Theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông năm 2014 thì trọng tâm và mục tiêu công tác của Công ty cụ thể như sau:
- + Các chỉ tiêu tài chính được giao:

*Đơn vị tính: Tỷ đồng*

TT	Chỉ tiêu	Giá trị
1	Doanh thu	375,154
2	Lợi nhuận sau thuế	37,983

- + Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2014:

*Đơn vị tính: Tỷ đồng*

TT	Chỉ tiêu	Giá trị
1	Doanh thu	221,278
2	Lợi nhuận sau thuế	(186,627)

- + Bảng so sánh kết quả thực hiện năm 2014 với các chỉ tiêu kế hoạch:

*Đơn vị tính: Tỷ đồng*

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch	Thực hiện	Tỉ lệ (%)hoàn thành kế hoạch
1	Doanh thu	375,154	221,278	58,98 %
2	Lợi nhuận sau thuế	37,983	(186,627)	-491,34 %

Chi tiết báo cáo tài chính năm 2014 đã được kiểm toán được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty: [www.thuanthao.com.vn](http://www.thuanthao.com.vn).

### • Các hoạt động tài chính:

- Vay ngắn hạn và dài hạn nhận được : 103 tỷ đồng
- Chi trả nợ gốc vay : 98,7 tỷ đồng

### • Thực hiện nghĩa vụ ngân sách Nhà nước:

Trong năm 2014, Công ty cổ phần Thuận thảo đã nộp thuế và các khoản phải nộp Nhà nước: 6,923 tỷ đồng.

## 2. Những thay đổi chủ yếu trong năm

### a. Đầu tư:



Trong năm, Công ty đầu tư vào TSCĐ hữu hình như mua sắm, xây dựng nhà cửa, kiến trúc, phương tiện vận tải ... với tổng trị giá 15,92 tỷ đồng, cụ thể:

- Mua sắm máy móc thiết bị: 0,77 tỷ đồng.
- Mua sắm phương tiện vận tải: 15,15 tỷ đồng.
- Thu thanh lý nhượng bán phương tiện vận tải: 6,61 tỷ đồng.

**b. XDCB dở dang:**

- Sửa chữa TSCĐ: 6,025 tỷ đồng.

**3. Phương hướng hoạt động của HĐQT năm 2015**

**a. Kế hoạch SXKD năm 2015**

Năm 2015 được xác định là một năm tiếp tục rất khó khăn bởi còn nhiều bất ổn của nền kinh tế. Tuy nhiên chúng ta vẫn nhận được những tín hiệu khởi sắc tại địa bàn tỉnh Phú Yên như: dự án hầm đường bộ Đèo Cả đang trong giai đoạn hoàn tất, hầm đèo Cù Mông đang triển khai sẽ thuận lợi cho việc thông thương giữa các Tỉnh duyên hải Nam Trung Bộ; Dự án Nhà máy Lọc dầu Vũng Rô đã được triển khai, dự án phát triển cụm kinh tế Miền trung và Tây nguyên, mở rộng cảng Vũng Rô... trong đó Phú Yên nằm ở vị trí cửa ngõ của phát triển kinh tế vùng hướng biển Đông; Cùng với thông tin giá xăng dầu giảm từ đầu năm và việc kiềm chế lạm phát theo chủ trương của nhà nước... là điều kiện thuận lợi cho Công ty trong việc định hướng phát triển sản xuất kinh doanh trong năm 2015. Với những thông tin thuận lợi về môi trường đầu tư, kinh doanh tại tỉnh Phú Yên như trên, cùng với sự cải tiến, tái cấu trúc và đa dạng dịch vụ của Công ty, Công ty sẽ phấn đấu và đạt được kế hoạch trong năm 2015 như sau:

*Đơn vị tính: Tỷ đồng*

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	Tỉ lệ % so với 2014
1	Doanh thu	221,278	264,600	19,57 %
2	Lợi nhuận sau thuế	(186,627)	4,290	202,30%
3	Cổ tức	0	0	

**b. Một số nhiệm vụ trọng tâm 2015**

Với những nhận định trên, HĐQT thống nhất đưa ra một số định hướng triển khai kế hoạch kinh doanh và các giải pháp trọng tâm trong năm 2015 như sau:

- Kiên quyết chỉ đạo Ban TGD Công ty tái cấu trúc lại bộ máy quản trị từ Ban Tổng Giám đốc đến các bộ phận phòng ban chức năng đủ năng lực để thực hiện hết chức năng được giao theo đúng chỉ tiêu đã đề ra. Xây dựng các chính sách cho người lao động hấp dẫn nhằm thu hút được nhân tài và giữ được những nhân sự có năng lực.
- Tiếp tục rà soát lại các mảng kinh doanh của Công ty, ở từng sản phẩm dịch vụ về khả năng sinh lời để có định hướng tập trung đầu tư và phát triển đồng thời cắt bỏ các mảng kinh doanh không hiệu quả mang lại gánh nặng tài chính cho Công ty. Trong đó ưu tiên các mảng kinh doanh đã có thương hiệu và là thế mạnh của Công ty trong những năm

qua. Đối với những tài sản không mang lại khả năng sinh lời thì phải xử lý hoặc có phương án trình HĐQT xử lý.

- Hoạt động đầu tư: Ban Tổng Giám đốc Công ty nên ưu tiên đầu tư vào đổi mới phương tiện vận tải và triển khai giai đoạn 2 dự án Resort Thuận Thảo.
- Hoạt động tài chính: tập trung thu hồi các công nợ để có vốn đầu tư, làm việc với các tổ chức tín dụng đang giao dịch nhằm điều chỉnh chính sách lãi phù hợp với quy định của Ngân hàng Nhà nước theo từng thời điểm. Ưu tiên thực hiện nghĩa vụ về thuế và các chính sách cho người lao động: lương, BHXH....
- Tiếp tục xây dựng chiến lược trung và dài hạn cho việc tái cơ cấu tài chính của Công ty. Từng bước tăng cường năng lực tài chính nhằm duy trì khả năng kiểm soát đảm bảo hoạt động kinh doanh Công ty không bị thụ động vào nguồn vốn.
- Tìm nhà đầu tư, hợp tác liên doanh - liên kết để huy động nguồn vốn tiến hành giai đoạn 2 Khu Resort Thuận Thảo.
- Giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty nhằm thúc đẩy để thực hiện thành công các chỉ tiêu kế hoạch năm 2015 đề ra của Đại hội đồng cổ đông.
- Kiện toàn hệ thống quy trình, tăng cường công tác kiểm tra kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro, tiết giảm chi phí.
- Tiếp tục chủ động hơn trong quan hệ và duy trì cơ chế thông tin đối với cổ đông, nhà đầu tư nhằm đảm bảo thông tin được minh bạch, tạo sự tin tưởng, an tâm cho các cổ đông, nhà đầu tư.

TP. Tuy Hòa, ngày 02 tháng 04 năm 2015

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**CHỦ TỊCH**



**VÕ THỊ THANH**

## V. Báo cáo Ban Kiểm soát Công ty

### 1. Hoạt động của Ban kiểm soát:

Trong năm 2014, Ban Kiểm soát đã tiến hành các hoạt động kiểm tra, giám sát theo theo điều lệ như sau :

- Giám sát hoạt động của HĐQT, điều hành của Ban Tổng Giám đốc và Bộ máy quản lý Công ty trong suốt niên độ liên quan đến việc thực hiện các kế hoạch tài chính và kế hoạch kinh doanh năm 2014 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- Ban kiểm soát tham gia tất cả các cuộc họp của Hội đồng quản trị (HĐQT) và Ban Tổng Giám đốc, đưa ra các kiến nghị với HĐQT – Ban Tổng Giám đốc về các vấn đề liên quan đến hoạt động kinh doanh, dịch vụ và đầu tư năm 2014.
- Đánh giá các quy trình trọng yếu của Công ty, trực tiếp làm việc với Ban Lãnh đạo, cán bộ quản lý các đơn vị trong Công ty nhằm phát hiện những rủi ro tiềm ẩn hoặc những thiếu sót, từ đó đề xuất những nội dung, giải pháp phù hợp cho Ban Tổng Giám đốc.
- Xem xét tính pháp lý, trình tự, thủ tục ban hành các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc Công ty trong năm 2014, kiểm soát việc tuân thủ các quy định về công bố thông tin của Công ty theo đúng các quy định của pháp luật.
- Thẩm định Báo cáo tài chính 6 tháng và năm của Công ty; phối hợp với Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) xem xét ảnh hưởng của các sai sót trọng yếu trong kế toán và báo cáo tài chính nhằm đánh giá tính trung thực, hợp lý của báo cáo tài chính; giám sát việc thực thi các ý kiến ngoại trừ của Công ty TNHH kiểm toán FAC tại báo cáo tài chính năm 2013 đã được kiểm toán.

Trong năm 2014, Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Thuận Thảo đã tổ chức 3 lần họp để triển khai thực hiện các nội dung chủ yếu như sau:

- + **Lần thứ 1:** Vào ngày 03 tháng 05 năm 2014, Nội dung: Phân công nhiệm vụ cho 2 thành viên mới BKS vừa được ĐHĐCĐ bầu bổ sung và triển khai thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ.
- + **Lần thứ 2:** Vào ngày 18 tháng 07 năm 2014, Nội dung:
  - Đánh giá tình hình Kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện kế hoạch kinh doanh dịch vụ toàn Công ty thông qua các báo cáo bán niên.
  - Các thành viên theo phân công báo cáo việc tuân thủ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014, việc chấp hành điều lệ Công ty, pháp luật Nhà nước và các quy chế, quy định, quyết định của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc trong công tác quản lý, điều hành thực hiện nhiệm vụ 6 tháng đầu năm 2014.
- + **Lần thứ 3:** Tổ chức họp vào ngày 31 tháng 12 năm 2014, Nội dung:
  - Xem xét báo cáo Tài chính Công ty kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và kiến nghị Ban Tổng Giám đốc Công ty thực hiện hồi tố 2 ý kiến ngoại trừ của kiểm toán tại Báo cáo kiểm toán độc lập số 051/2014/CTC-FACKT.
  - Phân công tổng hợp báo cáo của BKS Trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2015.

### 2. Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính:

#### a. Việc lập và kiểm toán báo cáo tài chính:



- Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.
- Báo cáo tài chính của Công ty đã được Công ty TNHH dịch vụ tư vấn tài chính kế toán và kiểm toán Nam Việt (AASCN) thực hiện, Công ty đã thực hiện hồi tố 2 ý kiến ngoại trừ của Công ty TNHH kiểm toán FAC trong năm tài chính 2014.

**b. Đánh giá một số chỉ tiêu tài chính:**

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2013	Thực hiện 2014
1	Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	Lần	0,81	0,62
2	Nợ phải trả/Vốn điều lệ	Lần	2,59	2,84
3	Cơ cấu nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	%	71%/29%	82,4%/17,5%
4	Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	0,04%	-12,4%
5	Lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ	%	0,16%	-42,9%
6	Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu	%	0,25%	-84,3%

- Chỉ tiêu tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn bằng 0,62 lần so với năm trước giảm xuống – 0,19 cho thấy chỉ tiêu này giảm dần qua các năm. Trong khi đó, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, công nợ phải thu khách hàng chiếm tỷ trọng rất lớn 98% trong cơ cấu tài sản ngắn hạn (400.000 triệu + 129.979 triệu /538.388 triệu đồng) là các tài sản khó có thể chuyển đổi nhanh thành tiền để đảm bảo khả năng thanh toán các khoản nợ ngắn hạn.
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/tổng tài sản = -12,4 % và lợi nhuận sau thuế/doanh thu = -84,3 % và tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ = -42,9 % thể hiện Công ty lỗ thuần (186.627,9) triệu đồng và tại ngày đó, các khoản nợ ngắn hạn của Công ty đã vượt quá tài sản ngắn hạn của công ty (318.544,1) triệu đồng. cho thấy Công ty gặp áp lực về thanh khoản.

Tổng số lỗ lũy kế đến 31/12/2014 là : -186.627,9 triệu đồng

Trong đó : Lỗ năm trước : -25.519,1 triệu đồng

- ⇒ Kết cấu tài sản và kết cấu nguồn vốn nói chung không có thay đổi lớn giữa 2 năm. Tài sản cố định chiếm gần 2/3 tổng tài sản do đó định phí chiếm tỷ trọng cao trong tổng chi phí, độ lớn đòn bẩy kinh doanh sẽ cao, do đó nếu tăng doanh thu lên thì lợi nhuận có khả năng tăng nhanh.

**3. Tình hình thực hiện nghị quyết của ĐHĐCĐ 2014:**

- Về Doanh thu: thực hiện năm 2014 là 221.278 triệu đồng so với Nghị quyết ĐHĐCĐ chỉ đạt 58,98 % hay số tiền giảm xuống là -153 triệu đồng.
- Về chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế thực hiện lỗ -186.627,9 triệu đồng so với Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2014 số tiền giảm xuống là -237.272,9 triệu đồng.
- Chia cổ tức: theo NQ từ 06->07%, thực hiện: không.
- Kế hoạch chi trả thù lao năm 2014 của HĐQT và BKS là: 349,2 triệu đồng, thực hiện 335,875 triệu đồng.

**4. Kết quả giám sát hoạt động của HĐQT:**

- Hội đồng quản trị đã duy trì các kỳ họp định kỳ và đột xuất. Trong năm đã tổ chức 8 cuộc họp và ra 4 Nghị quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền theo quy định của Điều lệ Công ty và pháp luật.

⇒ Ban Kiểm soát đánh giá hoạt động của HĐQT trong năm 2014 phù hợp với quy định pháp luật và Điều lệ Công ty, đáp ứng kịp thời với yêu cầu hoạt động SXKD của Công ty. Các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT ban hành đúng trình tự, đúng thẩm quyền và phù hợp căn cứ pháp lý theo quy định của pháp luật và Công ty.

#### **5. Kết quả giám sát hoạt động của Ban TGD:**

- Trong tình hình khó khăn chung của nền kinh tế, Ban Tổng Giám đốc đã cố gắng, nỗ lực trong công tác điều hành để duy trì hoạt động Công ty, công tác chỉ đạo, điều hành của Ban Tổng Giám đốc được thực hiện theo nghị quyết của Đại hội cổ đông, các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

#### **6. Sự phối hợp hoạt động của Ban Kiểm soát:**

- Trong năm 2014, BKS được cung cấp đầy đủ các thông tin về Nghị quyết, Quyết định HĐQT và tham gia đầy đủ các phiên họp định kỳ và đột xuất của HĐQT.

- Tham dự đầy đủ các cuộc họp hàng tháng của Ban Tổng Giám đốc.

- Tham gia dự thảo, soát xét hệ thống tài liệu quản trị của Công ty như quy chế, quy định, quyết định, quy trình v.v...

- Đối với cổ đông: Trong năm BKS không nhận được một khiếu nại nào của cổ đông về hoạt động của Công ty, về điều hành của HĐQT và Ban TGD.

⇒ Nhìn chung trong quá thực thi nhiệm vụ của mình BKS đã được HĐQT, Ban TGD và các Phòng, Ban, Bộ phận, Chi nhánh trong Công ty tạo điều kiện thuận lợi để hoàn thành nhiệm vụ.

#### **7. Kiến nghị của BKS:**

- Về công nợ: Đề nghị HĐQT, Ban TGD tiếp tục chỉ đạo và kiên quyết xử lý giải quyết dứt điểm từng trường hợp đối với các khoản nợ tồn tại, đặc biệt là khoản đầu tư tài chính ngắn hạn đã hết hạn đối với Công ty CP Thuận Thảo Nam Sài Gòn số tiền là 400.000 triệu đồng, khoản lãi vay phải trả là 53.632,5 triệu đồng; khoản nợ phải thu của Công ty CHC là: 36.758,2 triệu đồng và thanh lý khoản ứng trước tiền mua đất tại Thị trấn Tân Túc, huyện Bình Chánh, Tp Hồ Chí Minh là: 30.000 triệu đồng. Nếu thu hồi được những khoản nợ trên thì Công ty không bị áp lực về thanh khoản.

- Xây dựng kế hoạch SXKD hằng năm phù hợp với năng lực, nguồn lực của Công ty để đảm bảo kế hoạch đề ra khi thực hiện có tính khả thi cao.

- Khẩn trương thực hiện các nội dung có liên quan đến việc tái cơ cấu tài chính của Công ty. Lựa chọn và tập trung các nguồn lực đầu tư cho các bộ phận, lĩnh vực hoạt động hiệu quả.

#### **8. Kế hoạch năm 2015 của BKS:**

- Phân công trách nhiệm từng thành viên, để thực hiện và hoàn thành tốt chức năng, nhiệm vụ của Ban Kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

- Tiếp tục giám sát và đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2015.

- Kiểm tra, giám sát việc ban hành các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT phù hợp với điều lệ Công ty, Nghị quyết ĐHĐCĐ và phù hợp với Pháp luật.

- Tham gia ý kiến, góp ý tham mưu cho HĐQT, Ban TGD, đặc biệt là những vấn đề tiềm ẩn có khả năng ảnh hưởng, rủi ro đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

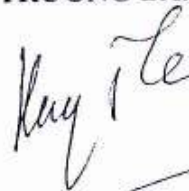


- Phối hợp với các đoàn kiểm tra của Công ty triển khai công tác kiểm tra, giám sát tại các Phòng, Ban, Bộ phận và Chi nhánh.

*TP. Tuy Hòa, ngày 02 tháng 04 năm 2015*

**TM. BAN KIỂM SOÁT**

**TRƯỞNG BAN**



**Nguyễn Hữu Ân**

## VI. Quản trị Công ty

### 1. Hội đồng quản trị

#### 1.1. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

S T T	Họ tên	Chức vụ tại Công ty	Số lượng cổ phần sở hữu	Chức vụ tại Công ty khác	Ghi chú
1	Võ Thị Thanh	Chủ tịch HĐQT	15.093.000 cổ phần	Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Thuận Thảo Nam Sài Gòn	Thành viên điều hành
2	Võ Thanh Minh Hằng	Thành viên HĐQT - Phó Tổng Giám đốc	435.000 cổ phần	Không	Thành viên điều hành
3	Đặng Thị Nguyệt Thương	Thành viên HĐQT - Giám đốc tài chính	435.000 cổ phần	Không	Thành viên điều hành
4	Lương Ngọc Khánh	Thành viên HĐQT	30.000 cổ phần	Giám đốc Công ty TNHH Hưng Khánh	Thành viên độc lập
	Võ Văn Thuận	Thành viên HĐQT – Cố vấn	Không	Không	Thành viên điều hành

#### 1.2. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:

- Tiểu ban nhân sự của Hội đồng quản trị: do bà Đặng Thị Nguyệt Thương phụ trách, trong năm 2014 Tiểu ban nhân sự của HĐQT tham gia giám sát, chỉ đạo công tác điều hành nhân sự của Ban Tổng Giám đốc Công ty, góp ý trong việc xây dựng các chính sách lao động cho người lao động trong Công ty.
- Tiểu ban lương thưởng của Hội đồng quản trị do ông Lương Ngọc Khánh phụ trách, trong năm 2014 đã chỉ đạo sâu sát trong việc xây dựng các chính sách thưởng kích thích trên doanh thu hoặc lợi nhuận để tạo động lực cho các bộ phận nỗ lực vì kết quả kinh doanh của Công ty.

#### 1.3. Hoạt động của Hội đồng quản trị:



- HĐQT thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình tuân thủ đúng qui định pháp luật, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. HĐQT thông qua quyết định bằng hình thức biểu quyết trực tiếp tại các cuộc họp.
- Năm 2014 Hội đồng quản trị có sự thay đổi thành viên, HĐQT có 4 thành viên và 1 thành viên được Đại hội đồng Cổ đông thường niên 2014 bầu bổ sung. Trong đó Chủ tịch HĐQT hoạt động chuyên trách, 01 Phó Tổng Giám đốc Công ty, 01 Giám đốc tài chính, 01 Cố vấn Công ty và thành viên còn lại không kiêm nhiệm chức vụ.
- HĐQT đã tổ chức 8 cuộc họp HĐQT và họp HĐQT mở rộng bằng nhiều hình thức để thực hiện các Nghị quyết của Đại hội, thông qua các kế hoạch và các báo cáo kết quả kinh doanh; hoạch định chiến lược kinh doanh theo quý, năm; định hướng chiến lược về phát triển kinh doanh. HĐQT đã thực hiện nhiệm vụ của mình một cách cẩn trọng, quyết liệt, tập trung hoạch định chiến lược, đưa ra các quyết định chính xác, kịp thời chỉ đạo hoạt động kinh doanh, đẩy mạnh công tác giám sát hoạt động của Ban điều hành, đảm bảo cân đối hài hòa lợi ích của Công ty, của Cổ đông và Đối tác cũng như quyền lợi của người lao động, đặt nền móng vững chắc cho sự phát triển bền vững của Công ty.
- Các quyết định của HĐQT thông qua các Biên bản, Nghị quyết như sau:  
Số lượng các cuộc họp: 08  
Số lượng Nghị quyết, Quyết định: 04

ST T	NGHỊ QUYẾT/ QUYẾT ĐỊNH	NGÀY	NỘI DUNG
1	01/NQ-HĐQT	01/04/2014	- Quyết định ngày tổ chức đại hội cổ đông 2014
2	02/NQ-HĐQT	04/04/2014	- Quyết định thành lập Ban tổ chức đại hội cổ đông 2014
3	03/NQ-HĐQT	15/4/2014	- Quyết định tăng lương của ông Huỳnh Sỹ Chiến – Phó Tổng Giám đốc Công ty
4	04/NQ-HĐQT	29/4/2014	- Quyết định mức thù lao các thành viên HĐQT

#### 1.4. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành

Trong cơ cấu Hội đồng quản trị hiện hành có 01 thành viên HĐQT độc lập đó là ông Lương Ngọc Khánh. Trong năm qua ông Khánh đã tham gia đầy đủ các phiên họp của HĐQT và đưa ra ý kiến độc lập của mình nhằm đảm bảo tính khách quan trong việc

đưa ra các quyết định quản trị.

**1.5. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty, Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm**

- Thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty: **Không có**
- Thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị Công ty trong năm do Ủy ban chứng khoán, Sở GD&ĐT TP.HCM phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức: **Không có**

**2. Ban Kiểm soát**

**2.1. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:**

STT	Họ tên	Chức vụ	Số lượng cổ phần sở hữu	Ghi chú
1	Nguyễn Hữu Ân	Trưởng Ban Kiểm soát	18.750	
2	Nguyễn Thị Loan	Kế toán trưởng Bộ phận Vận tải hành khách và Taxi	Không	
3	Nguyễn Thị Ánh Loan	Kế toán trưởng Bộ phận Suga	Không	

**2.2. Hoạt động của Ban kiểm soát:**

Trong năm 2014, Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Thuận Thảo đã tổ chức 3 lần họp để triển khai thực hiện các nội dung chủ yếu như sau:

- Phân công nhiệm vụ cho 2 thành viên mới BKS vừa được ĐHĐCĐ bầu bổ sung và triển khai thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ.
- Đánh giá tình hình Kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện kế hoạch kinh doanh dịch vụ toàn Công ty thông qua các báo cáo bán niên.
- Các thành viên theo phân công báo cáo việc tuân thủ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014, việc chấp hành điều lệ Công ty, pháp luật Nhà nước và các quy chế, quy định, quyết định của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc trong công tác quản lý, điều hành thực hiện nhiệm vụ 6 tháng đầu năm 2014.
- Xem xét báo cáo Tài chính Công ty kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và kiến nghị Ban Tổng Giám đốc Công ty thực hiện hồi tố 2 ý kiến ngoại trừ của kiểm toán tại Báo cáo kiểm toán độc lập số 051/2014/CTC-FACTT.
- Phân công tổng hợp báo cáo của BKS Trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2015.

**Về Công tác giám sát:**

- Trong năm 2014, Trường BKS đã tham gia đầy đủ các cuộc họp định kỳ và bất thường của HĐQT và BKS tham gia đầy đủ các phiên họp giao ban hằng tuần, tháng của Ban Tổng Giám đốc.
- Trong năm qua Ban kiểm soát không thấy có điều gì bất thường trong hoạt động của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc.
- BKS đã phối hợp chặt chẽ với HĐQT và Ban Tổng Giám đốc trong quá trình quản lý và điều hành mọi hoạt động trong Công ty.

**3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát**

**3.1. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:**

**3.1.1. Hội đồng quản trị:**

Stt	Họ tên	Thù lao	Ghi chú
1	Võ Thị Thanh	162.000.000	
2	Võ Văn Thuận	20.000.000	Thành viên từ 29/04/2014
3	Võ Thanh Minh Hằng	30.000.000	
4	Lương Ngọc Khánh	30.000.000	
5	Đặng Thị Nguyệt Thương	30.000.000	
	<b>Cộng</b>	<b>272.000.000</b>	

**3.1.2. Ban Kiểm soát:**

Stt	Họ tên	Thù lao	Ghi chú
1	Nguyễn Hữu Ân	30.000.000	
2	Phan Thị Bảo Trâm	1.200.000	Thành viên đến 28/04/2014
3	Nguyễn Thị Lệ Quyên	1.875.000	Thành viên đến 28/04/2014
4	Nguyễn Thị Loan	6.400.000	Thành viên từ 29/04/2014
5	Nguyễn Thị Ánh Loan	6.400.000	Thành viên từ 29/04/2014
	<b>Cộng</b>	<b>45.875.000</b>	

### 3.1.3. Ban Tổng Giám đốc:

Stt	Họ tên	Lương	Thưởng	Cộng
1	Võ Thị Thanh	756.527.000	0	756.527.000
2	Võ Thanh Minh Hằng	397.235.000	0	397.235.000
3	Huỳnh Sỹ Chiến	219.356.000	0	219.356.000
4	Nguyễn Văn Như	104.348.000	0	104.348.000
	<b>Cộng</b>	<b>1.477.466.000</b>		<b>1.477.466.000</b>

3.2. *Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ, cổ đông lớn và những người liên quan:*  
*Không có*

3.3. *Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:* *Không có*

3.3. *Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty:*

Năm 2014 Công ty đã tuân thủ các quy định về quản trị Công ty, tuy nhiên để tăng cường hiệu quả hoạt động quản trị Công ty, Công ty có kế hoạch như sau:

- Tăng cường việc liên lạc định kỳ/không định kỳ với cổ đông lớn của Công ty.
- Tăng cường chế độ thông tin tình hình Công ty cho thành viên HĐQT độc lập; Ban Kiểm soát.
- Thường xuyên cập nhật các quy định pháp luật về quản trị Công ty.
- Định kỳ HĐQT họp ít nhất 1 lần/quý để kiểm tra tình hình hoạt động Công ty.
- Xem xét, hiệu chỉnh Quy chế quản trị nội bộ của Công ty theo quy định pháp luật hiện hành và phù hợp với tình hình Công ty hiện nay.

## **VI. Báo cáo tài chính**

### **1. Ý kiến kiểm toán**

#### **Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

Như đã nêu trong Thuyết minh V.11 (trang 19), V.16 (trang 21) của báo cáo tài chính, Công ty đã không ghi nhận chi phí phạt chậm nộp thuế với số tiền là 13.186.520.476 đồng và phân bổ giá trị lợi thế thương mại với số tiền là 12.332.678.388 đồng trong báo cáo tài chính năm 2013 mà thực hiện ghi nhận trực tiếp vào báo cáo tài chính năm 2014. Nếu Công ty ghi nhận các chi phí này đúng theo niên độ thì khoản lỗ trong năm 2014 giảm đi 25.519.198.864 đồng và trong năm 2013 Công ty lỗ trước thuế là (24.515.670.833) đồng; khoản mục chi phí trả trước dài hạn giảm đi 12.332.678.388 đồng và khoản mục thuế và các khoản phải nộp nhà nước tăng lên 13.186.520.476 đồng trên bảng cân đối kế toán tại ngày 01/01/2014; lỗ lũy kế năm 2013 là (21.423.071.753) đồng.

#### **Ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ Phần Thuận Thảo tại ngày 31/12/2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

#### **Vấn đề cần nhấn mạnh**

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh V.2 (trang 16), V.16 (trang 21) và VII.9 (trang 35) trong Bản thuyết minh báo cáo tài chính, trong đó mô tả và đánh giá một số vấn đề về tình hình hoạt động kinh doanh và tài chính cho năm tài chính 2014 của Công ty. Ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.

#### **Vấn đề khác**

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Thuận Thảo cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 đã được một doanh nghiệp kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ về báo cáo tài chính đó tại ngày 30/03/2014. Các vấn đề liên quan đến ý kiến kiểm toán ngoại trừ của kiểm toán viên tiền nhiệm đã được Ban lãnh đạo Công ty Cổ phần Thuận Thảo thực hiện ghi nhận trực tiếp vào báo cáo tài chính năm 2014.

### **2. Báo cáo tài chính được kiểm toán**

Được tách riêng như phụ lục kèm theo báo cáo này.

Đã được đăng tải trên Website Công ty theo địa chỉ: [www.thuanthao.com.vn](http://www.thuanthao.com.vn)

Xác nhận của đại diện theo pháp luật của Công ty



**VÕ THỊ THANH**



## CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN THẢO

Báo cáo tài chính  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014  
đã được kiểm toán



## **CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN THẢO**

Báo cáo tài chính  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014  
đã được kiểm toán



## **MỤC LỤC**

<b>NỘI DUNG</b>	<b>TRANG</b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 – 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 – 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	6 – 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	11– 35

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thuận Thảo (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

### Khái quát

Công ty Cổ Phần Thuận Thảo là Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 4400123162 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư tỉnh Phú Yên cấp lần đầu vào ngày 28 tháng 12 năm 2009 trên cơ sở chuyển đổi Công ty TNHH Vận Tải và Thương mại Thuận Thảo thành Công ty Cổ Phần Thuận Thảo, đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 23/09/2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Yên cấp.

Hoạt động của Công ty là kinh doanh Vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định, theo hợp đồng, taxi và xe buýt, vận tải hàng hóa bằng ô tô, dịch vụ bến xe và kho bãi; Kinh doanh phòng hát Karaoke, hoạt động sinh hoạt văn hóa ( tổ chức gặp mặt, giao lưu), hoạt động nghệ thuật sân khấu, âm nhạc, kinh doanh khu vui chơi, giải trí, trò chơi dân gian có thưởng, hoạt động của cơ sở thể thao, hoạt động bơi lội; Kinh doanh khách sạn, nhà hàng, các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động và các dịch vụ du lịch; và các ngành nghề khác theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh nghiệp.

Trụ sở chính của Công ty tại số 03 đường Hải Dương, Thành Phố Tuy Hoà, Tỉnh Phú Yên.

### Các sự kiện sau ngày khóa sổ kế toán lập báo cáo tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

### Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát trong năm và đến ngày lập báo cáo này như sau:

#### Hội đồng Quản trị:

Bà Võ Thị Thanh	Chủ tịch
Ông Võ Văn Thuận	Thành viên (từ 29/04/2014)
Bà Võ Thanh Minh Hằng	Thành viên
Ông Lương Ngọc Khánh	Thành viên
Bà Đặng Thị Nguyệt Thương	Thành viên

#### Ban Tổng Giám đốc:

Bà Võ Thị Thanh	Tổng Giám đốc
Ông Huỳnh Sỹ Chiến	Phó Tổng Giám đốc
Bà Võ Thanh Minh Hằng	Phó Tổng Giám đốc

#### Ban kiểm soát

Ông Nguyễn Hữu Ân	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Lệ Quyên	Thành viên (đến 28/04/2014)
Bà Phan Thị Bảo Trâm	Thành viên (đến 28/04/2014)
Bà Nguyễn Thị Loan	Thành viên (từ 29/04/2014)
Bà Nguyễn Thị Ánh Loan	Thành viên (từ 29/04/2014)

### Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

### **Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với báo cáo tài chính**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

**Võ Thị Thanh**  
Tổng Giám đốc

Ngày 27 tháng 03 năm 2015





Số: 219/BCKT/TC

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ Phần Thuận Thảo

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ Phần Thuận Thảo, được lập ngày 27/03/2015, từ trang 06 đến trang 35, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

### Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Như đã nêu trong Thuyết minh V.11 (trang 19), V.16 (trang 21) của báo cáo tài chính, Công ty đã không ghi nhận chi phí phạt chậm nộp thuế với số tiền là 13.186.520.476 đồng và phân bổ giá trị lợi thế thương mại với số tiền là 12.332.678.388 đồng trong báo cáo tài chính năm 2013 mà thực hiện ghi nhận trực tiếp vào báo cáo tài chính năm 2014. Nếu Công ty ghi nhận các chi phí này đúng theo niên độ thì khoản lỗ trong năm 2014 giảm đi 25.519.198.864 đồng và trong năm 2013 Công ty lỗ trước thuế là (24.515.670.833) đồng; khoản mục chi phí trả trước dài hạn giảm đi 12.332.678.388 đồng và khoản mục thuế và các khoản phải nộp nhà nước tăng lên 13.186.520.476 đồng trên bảng cân đối kế toán tại ngày 01/01/2014; lỗ lũy kế năm 2013 là (21.423.071.753) đồng.

### **Ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ Phần Thuận Thảo tại ngày 31/12/2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### **Vấn đề cần nhấn mạnh**

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh V.2 (trang 16), V.16 (trang 21) và VII.9 (trang 35) trong Bản thuyết minh báo cáo tài chính, trong đó mô tả và đánh giá một số vấn đề về tình hình hoạt động kinh doanh và tài chính cho năm tài chính 2014 của Công ty. Ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.

### **Vấn đề khác**

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Thuận Thảo cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 đã được một doanh nghiệp kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ về báo cáo tài chính đó tại ngày 30/03/2014. Các vấn đề liên quan đến ý kiến kiểm toán ngoại trừ của kiểm toán viên tiền nhiệm đã được Ban lãnh đạo Công ty Cổ phần Thuận Thảo thực hiện ghi nhận trực tiếp vào báo cáo tài chính năm 2014.

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính  
Kế toán và Kiểm toán Nam Việt**



**Giám đốc**

**Nguyễn Thị Lan**  
Chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 0167-2013-152-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Ngày 27 tháng 03 năm 2015

**Kiểm toán viên**

**Nguyễn Anh Tuấn**

Chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 1559-2013-152-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	100		<b>538.388.873.348</b>	<b>560.035.668.722</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	110	V.1	<b>299.754.211</b>	<b>333.926.044</b>
1. Tiền	111		299.754.211	333.926.044
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	120	V.2	<b>400.000.000.000</b>	<b>400.000.000.000</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		400.000.000.000	400.000.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	130		<b>129.979.032.318</b>	<b>148.285.518.224</b>
1. Phải thu khách hàng	131	V.3	2.207.993.288	14.650.627.982
2. Trả trước cho người bán	132	V.4	32.166.491.364	30.848.992.303
3. Các khoản phải thu khác	135	V.5	95.604.547.666	102.785.897.939
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	140	V.6	<b>4.004.369.033</b>	<b>5.438.873.399</b>
1. Hàng tồn kho	141		4.004.369.033	5.438.873.399
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	150		<b>4.105.717.786</b>	<b>5.977.351.055</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7	3.818.152.499	5.365.260.044
2. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.8	287.565.287	612.091.011
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	200		<b>963.852.621.803</b>	<b>1.015.581.730.093</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	220		<b>889.706.824.750</b>	<b>912.649.095.262</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	883.681.744.316	907.600.346.990
- Nguyên giá	222		1.081.715.390.699	1.071.258.539.657
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(198.033.646.383)	(163.658.192.667)
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.10	6.025.080.434	5.048.748.272
<b>II. Tài sản dài hạn khác</b>	260		<b>74.145.797.053</b>	<b>102.932.634.831</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11	73.677.197.053	102.469.034.831
2. Tài sản dài hạn khác	268	V.12	468.600.000	463.600.000
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>1.502.241.495.151</b>	<b>1.575.617.398.815</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>1.238.097.191.793</b>	<b>1.124.788.912.365</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>856.933.021.014</b>	<b>688.234.978.786</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.13	413.849.353.654	352.474.545.143
2. Phải trả người bán	312	V.14	23.623.477.476	17.809.192.698
3. Người mua trả tiền trước	313	V.15	494.773.674	611.579.533
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16	92.469.961.148	62.079.811.334
5. Phải trả người lao động	315		4.834.837.611	4.609.156.000
6. Chi phí phải trả	316	V.17	315.639.867.429	241.693.041.945
7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.18	5.506.648.413	8.411.435.980
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		514.101.609	546.216.153
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>381.164.170.779</b>	<b>436.553.933.579</b>
1. Phải trả dài hạn khác	333	V.19	24.494.381.751	24.557.346.751
2. Vay và nợ dài hạn	334	V.20	354.912.915.146	411.996.586.828
3. Doanh thu chưa thực hiện	338	V.21	1.756.873.882	-
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>264.144.303.358</b>	<b>450.828.486.450</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.22</b>	<b>264.144.303.358</b>	<b>450.828.486.450</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		435.030.000.000	435.030.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	417		9.208.474.460	9.138.181.391
3. Quỹ dự phòng tài chính	418		2.599.324.483	2.564.177.948
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(182.693.495.585)	4.096.127.111
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>1.502.241.495.151</b>	<b>1.575.617.398.815</b>

1388  
NG T  
HIỆM N  
VU TU  
KH KẾ  
EM TC  
A VII  
P.HỒ



**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
1. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công 2. Nợ khó đòi đã xử lý 3. Ngoại tệ các loại (USD)		294,13	344,33

Người lập biểu

Huỳnh Thị Khoa Trâm

Ngày 27 tháng 03 năm 2015

Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Như



Tổng Giám đốc

Võ Thị Thanh



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Năm 2014

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	221.593.088.288	285.341.970.597
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	314.656.297	741.529.665
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.3	221.278.431.991	284.600.440.932
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.4	203.733.903.005	260.488.725.922
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		17.544.528.986	24.111.715.010
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.5	8.397.688	57.613.016.798
7. Chi phí tài chính	22	VI.6	91.766.827.899	100.479.066.204
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		91.766.827.899	100.479.066.204
8. Chi phí bán hàng	24	VI.7	28.480.574.488	25.212.092.739
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.8	56.187.291.859	38.382.856.460
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(158.881.767.572)	(82.349.283.595)
11. Thu nhập khác	31	VI.9	5.064.109.789	86.746.810.172
12. Chi phí khác	32	VI.10	32.810.290.853	3.393.998.546
13. Lợi nhuận khác	40		(27.746.181.064)	83.352.811.626
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(186.627.948.636)	1.003.528.031
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.11	-	300.597.341
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(186.627.948.636)	702.930.690
18. Lãi (lỗ) cơ bản trên cổ phiếu		VI.12	(4.290)	16

Người lập biểu



Huỳnh Thị Khoa Trâm

Ngày 27 tháng 03 năm 2015

Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Như

Tổng Giám đốc




Võ Thị Thanh

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
Năm 2014

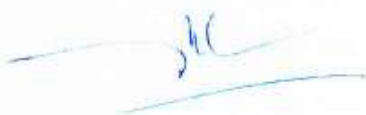
Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	(186.627.948.636)	1.003.528.031
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	63.360.074.968	38.833.524.484
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(244.672.857)	(57.692.195.466)
- Chi phí lãi vay	06	91.766.827.899	100.479.066.204
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(31.745.718.626)	82.623.923.253
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	14.663.511.630	309.387.235
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	1.434.504.366	(86.112.420)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	24.753.638.717	(56.538.134.561)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	5.673.588.547	(1.469.085.577)
- Tiền lãi vay đã trả	13	(17.820.002.415)	(24.794.215.591)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(1.061.207.058)	(1.361.550.002)
- Tiền thu khác cho hoạt động kinh doanh	15	-	5.997.700.408
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(93.349.000)	(10.964.132.318)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	20	<b>(4.195.033.839)</b>	<b>(6.282.219.573)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi mua, xây dựng tài sản cố định	21	(6.635.081.602)	(8.924.659.156)
2. Tiền thu từ nhượng bán tài sản cố định	22	2.528.909.091	2.775.454.545
3. Tiền thu lãi cho vay, cô tức được chia	27	3.975.897.688	13.016.798
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	30	<b>(130.274.823)</b>	<b>(6.136.187.813)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	103.008.037.381	276.561.919.701
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(98.716.900.552)	(222.493.042.491)
3. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35	-	(44.386.838.754)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	40	<b>4.291.136.829</b>	<b>9.682.038.456</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	50	<b>(34.171.833)</b>	<b>(2.736.368.930)</b>
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	333.926.044	3.070.294.974
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	299.754.211	333.926.044

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc







Huỳnh Thị Khoa Trâm

Nguyễn Văn Như

Ngày 27 tháng 03 năm 2015

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Năm 2014

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ Phần Thuận Thảo là Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 4400123162 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư tỉnh Phú Yên cấp lần đầu vào ngày 28 tháng 12 năm 2009 trên cơ sở chuyển đổi Công ty TNHH Vận Tải và Thương mại Thuận Thảo thành Công ty Cổ Phần Thuận Thảo, đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 23/09/2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Yên cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại số 03 đường Hải Dương, Thành Phố Tuy Hoà, Tỉnh Phú Yên.

Các đơn vị trực thuộc Công ty:

- Chi nhánh Công ty Cổ Phần Thuận Thảo tại thành phố Hồ Chí Minh  
Địa chỉ: Số 236/6 Quốc lộ 13, Phường 26, Quận Bình Thạnh, Thành Phố Hồ Chí Minh
- Chi nhánh Công ty Cổ Phần Thuận Thảo tại Quy Nhơn  
Địa chỉ: Đường Tây Sơn, Khu vực 5, Phường Ghềnh Ráng, Thành Phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định
- Chi nhánh Công Ty Cổ Phần Thuận Thảo Khách Sạn CenDeluxe  
Địa chỉ: Số 02 đường Hải Dương, Xã Bình Ngọc, Thành Phố Tuy Hoà, Tỉnh Phú Yên

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ và thương mại.

#### 3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động của Công ty là kinh doanh Vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định, theo hợp đồng, taxi và xe buýt, vận tải hàng hóa bằng ô tô, dịch vụ bến xe và kho bãi; Kinh doanh phòng hát Karaoke, hoạt động sinh hoạt văn hóa (tổ chức gặp mặt, giao lưu), hoạt động nghệ thuật sân khấu, âm nhạc, kinh doanh khu vui chơi, giải trí, trò chơi dân gian có thưởng, hoạt động của cơ sở thể thao, hoạt động bơi lội; Kinh doanh khách sạn, nhà hàng, các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động và các dịch vụ du lịch; và các ngành nghề khác theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh nghiệp.

#### 4. Đánh giá tình hình hoạt động kinh doanh

Trong năm 2014 tình hình hoạt động kinh doanh của công ty gặp rất nhiều khó khăn, doanh thu các hoạt động kinh doanh chính của công ty không đủ bù đắp các khoản chi phí như chi phí lãi vay, chi phí khấu hao, chi phí lương... Để cải thiện tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty, Ban lãnh đạo Công ty đang thực hiện làm việc lại với các tổ chức tín dụng để xin giảm, miễn lãi suất cho vay và chi phí lãi vay phải trả của các năm trước và làm việc với cơ quan thuế xin gia hạn, miễn giảm cho các khoản thuế phạt chậm nộp của Công ty. Ngoài ra, Công ty thực hiện tiết giảm chi phí hoạt động như là: giảm lương, tăng giờ làm, tái cơ cấu lại bộ máy nhân sự. Với những biện pháp này, Ban lãnh đạo Công ty tin rằng tình hình hoạt động kinh doanh trong năm 2015 của Công ty sẽ được cải thiện.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**1. Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

**2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

**III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các văn bản hướng dẫn sửa đổi bổ sung kèm theo.

**2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

**3. Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do việc đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục tiền tệ được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

**2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

138E  
NG T  
NH T  
V VI  
P HC

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**3. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình, vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa vật kiến trúc	25 - 50 năm
- Máy móc thiết bị	05 - 10 năm
- Phương tiện vận tải	10 năm
- Dụng cụ quản lý	04 - 10 năm
- Tài sản cố định khác	04 - 10 năm

**4. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

**5. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước**

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Lợi thế thương mại được phân bổ trong thời gian 10 năm.

**6. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

**7. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Cổ tức là lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty sẽ được chia cho các cổ đông, cổ tức được ghi nhận theo đề nghị của Hội đồng quản trị trong việc phân phối lợi nhuận trình Đại hội cổ đông.



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

### 8. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

#### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

#### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

#### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

### 9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

### 10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời, còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

### 11. Công cụ tài chính

#### Ghi nhận ban đầu

##### *Tài sản tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn, các khoản phải thu khác và các khoản đầu tư.

##### *Nợ phải trả tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác và các khoản vay.

#### Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm

### 12. Báo cáo bộ phận

Báo cáo theo bộ phận bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hoặc một bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

### 13. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tiền mặt	187.935.500	240.791.044
Tiền gửi ngân hàng	107.763.710	90.420.000
Tiền đang chuyển	4.055.001	2.715.000
<b>Cộng</b>	<b>299.754.211</b>	<b>333.926.044</b>

2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Cho Công ty Cổ phần Thuận Thảo Nam Sài Gòn vay	400.000.000.000	400.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>400.000.000.000</b>	<b>400.000.000.000</b>

Theo hợp đồng cho vay số 01/2013/GTT ký ngày 29 tháng 03 năm 2013 với thời hạn vay là 12 tháng, nợ gốc vay và lãi vay (xem thêm thuyết minh V.5 - trang 17) được đảm bảo bằng quyền chuyển đổi thành vốn góp của Công ty Cổ phần Thuận Thảo Nam Sài Gòn. Ngày 23 tháng 12 năm 2013 hai bên đã ký phụ lục hợp đồng thống nhất điều chỉnh thời hạn vay từ 12 tháng lên 24 tháng. Trong điều kiện khó khăn chung của nền kinh tế Ban lãnh đạo Công ty đồng ý không tính lãi suất trong năm 2014 đối với khoản cho vay này. Hoạt động chính của Công ty Cổ phần Thuận Thảo Nam Sài Gòn là phát triển dự án bất động sản tại huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh. Đây là dự án rất tiềm năng nên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá rằng Công ty không bị rủi ro trong việc thu hồi nợ gốc và lãi đối với khoản cho vay này.

3. Phải thu khách hàng

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Công ty TNHH CHC	529.397.358	1.964.320.394
Công ty Cổ phần Thuận Thảo Nam Sài Gòn	-	11.033.000.000
Phải thu khách hàng khác	1.678.595.930	1.653.307.588
<b>Cộng</b>	<b>2.207.993.288</b>	<b>14.650.627.982</b>

4. Trả trước cho người bán

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Võ Thị Thanh (trả trước tiền mua đất tại Thị trấn Tân Túc, huyện Bình Chánh, tp. Hồ Chí Minh)	30.000.000.000	30.000.000.000
Các nhà cung cấp khác	2.166.491.364	848.992.303
<b>Cộng</b>	<b>32.166.491.364</b>	<b>30.848.992.303</b>

3305  
 C  
 TRÁCH  
 DỊCH  
 TÀI C  
 VÀ  
 N  
 27.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**5. Các khoản phải thu ngắn hạn khác**

	<b>31/12/2014</b>	<b>01/01/2014</b>
	VND	VND
Phải thu ngân sách chi phí làm đường N1-Resort	798.956.000	798.956.000
Chi phí đền bù đất (sẽ được trừ dần vào một phần tiền thuê đất hàng năm phải nộp cho Nhà nước)	3.855.899.331	4.537.816.591
Công ty TNHH CHC	36.758.284.797	38.709.717.915
Phải thu lãi cho Công ty Cổ phần Thuận Thảo Nam	53.632.500.000	57.600.000.000
Sài Gòn vay		
Phải thu khác	558.907.538	1.139.407.433
<b>Cộng</b>	<b>95.604.547.666</b>	<b>102.785.897.939</b>

**6. Hàng tồn kho**

	<b>31/12/2014</b>	<b>01/01/2014</b>
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	1.502.833.038	2.017.397.560
Công cụ, dụng cụ	648.014.770	749.445.860
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	122.846.135	132.722.728
Thành phẩm	60.521.490	71.533.145
Hàng hoá	1.670.153.600	2.467.774.106
<b>Cộng giá gốc hàng tồn kho</b>	<b>4.004.369.033</b>	<b>5.438.873.399</b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	<b>4.004.369.033</b>	<b>5.438.873.399</b>

**7. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	<b>31/12/2014</b>	<b>01/01/2014</b>
	VND	VND
Chi phí đồ dùng dụng cụ	2.338.669.159	2.787.240.467
Chi phí sửa chữa	566.048.916	1.889.109.716
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	913.434.423	688.909.861
<b>Cộng</b>	<b>3.818.152.499</b>	<b>5.365.260.044</b>

**8. Tài sản ngắn hạn khác**

	<b>31/12/2014</b>	<b>01/01/2014</b>
	VND	VND
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	20.000.000	20.000.000
Tạm ứng cho nhân viên	267.565.287	592.091.011
<b>Cộng</b>	<b>287.565.287</b>	<b>612.091.011</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN THẢO**

Số 03 Hải Dương, Thành Phố Tuy Hoà, Tỉnh Phú Yên

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)****9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>						
Số dư đầu năm	893.217.538.615	15.096.107.324	127.217.672.401	8.581.091.922	27.146.129.395	1.071.258.539.657
Số tăng trong năm	1.272.679.529	774.613.774	15.283.377.275	-	3.905.423.636	21.236.094.214
- Mua trong năm	-	774.613.774	15.145.431.820	-	-	15.920.045.594
- Đầu tư XDCB hoàn thành	1.148.703.846	-	-	-	-	1.148.703.846
- Phân loại lại	123.975.683	-	137.945.455	-	3.905.423.636	4.167.344.774
Số giảm trong năm	-	4.077.772.729	6.611.898.398	89.572.045	-	10.779.243.172
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	6.611.898.398	-	-	6.611.898.398
- Phân loại lại	-	4.077.772.729	-	89.572.045	-	4.167.344.774
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>894.490.218.144</b>	<b>11.792.948.369</b>	<b>135.889.151.278</b>	<b>8.491.519.877</b>	<b>31.051.553.031</b>	<b>1.081.715.390.699</b>

Đơn vị tính: VND

**Giá trị hao mòn lũy kế**

Số dư đầu năm	89.454.588.668	6.845.546.270	49.484.505.181	3.749.821.903	14.123.730.645	163.658.192.667
Số tăng trong năm	20.219.290.298	1.086.182.919	12.971.293.560	839.084.206	5.267.178.342	40.383.029.325
- Khấu hao trong năm	20.105.225.135	1.086.182.919	12.971.293.560	839.084.206	3.692.932.372	38.694.718.192
- Phân loại lại	114.065.163	-	-	-	1.574.245.970	1.688.311.133
Số giảm trong năm	-	1.592.028.105	4.414.418.589	1.128.915	-	6.007.575.609
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	4.319.264.476	-	-	4.319.264.476
- Phân loại lại	-	1.592.028.105	95.154.113	1.128.915	-	1.688.311.133
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>109.673.878.966</b>	<b>6.339.701.084</b>	<b>58.041.380.152</b>	<b>4.587.777.194</b>	<b>19.390.908.987</b>	<b>198.033.646.383</b>

**Giá trị còn lại**

Tại ngày đầu năm	803.762.949.947	8.250.561.054	77.733.167.220	4.831.270.019	13.022.398.750	907.600.346.990
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>784.816.339.178</b>	<b>5.453.247.285</b>	<b>77.847.771.126</b>	<b>3.903.742.683</b>	<b>11.660.644.044</b>	<b>883.681.744.316</b>

Nguyên giá tài sản đã khấu hao hết vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2014 là: 6.663.860.561 đồng.

Phần lớn tài sản cố định của công ty đã thế chấp để bảo đảm cho các khoản vay tại các ngân hàng (xem thuyết minh V.13 và V.20)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	6.025.080.434	5.048.748.272
<b>Cộng</b>	<b>6.025.080.434</b>	<b>5.048.748.272</b>

**11. Chi phí trả trước dài hạn**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Chi phí phân bổ công cụ dụng cụ	2.184.310.694	7.644.242.393
Lợi thế thương mại (*)	64.746.561.499	89.411.918.269
Chi phí trả trước dài hạn khác	6.746.324.860	5.412.874.169
<b>Cộng</b>	<b>73.677.197.053</b>	<b>102.469.034.831</b>

(\*) Lợi thế thương mại phát sinh do nhận sáp nhập Công ty cổ phần Du lịch Thuận Thanh trong năm 2010. Trong năm 2013, Công ty đã không thực hiện phân bổ giá trị lợi thế thương mại với số tiền là 12.332.678.388 đồng vào kết quả kinh doanh trong báo cáo tài chính năm 2013 mà thực hiện ghi nhận trực tiếp vào báo cáo tài chính năm 2014. Nếu ghi nhận đúng thì lợi thế thương mại tại ngày 01/01/2014 giảm đi một khoản tương ứng.

**12. Tài sản dài hạn khác**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Ký quỹ, ký cược dài hạn	468.600.000	463.600.000
Tài sản dài hạn khác	-	-
<b>Cộng</b>	<b>468.600.000</b>	<b>463.600.000</b>

**13. Vay và nợ ngắn hạn**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>116.141.914.766</b>	<b>125.314.545.143</b>
Ngân hàng BIDV chi nhánh Phú Tài (a)	84.947.228.600	84.947.228.600
Ngân hàng Vietinbank Phú Yên (b)	30.070.120.767	35.662.957.367
Vay của cá nhân	1.124.565.399	4.704.359.176
<b>Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh V.20)</b>	<b>297.707.438.888</b>	<b>227.160.000.000</b>
Ngân hàng BIDV chi nhánh Phú Tài	290.054.000.000	213.054.000.000
Ngân hàng VP Bank	356.000.000	356.000.000
Ngân hàng LienVietPostbank	7.297.438.888	13.750.000.000
<b>Cộng</b>	<b>413.849.353.654</b>	<b>352.474.545.143</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

- a) Khoản vay của Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Đầu tư và Phát triển Chi nhánh Phú Tài (BIDV Phú Tài) bằng tiền Đồng Việt Nam theo hạn mức tín dụng với số tiền là 90 tỷ đồng để bổ sung vốn kinh doanh, thời hạn vay không vượt quá 8 tháng kể từ ngày nhận nợ. Lãi suất thả nổi, áp dụng lãi suất cho vay ngắn hạn theo thông báo công bố lãi suất của BIDV Phú Tài tại thời điểm nhận nợ và được điều chỉnh theo thông báo của ngân hàng. Lãi suất của các khoản vay là 11%/năm. Tài sản thế chấp để bảo đảm cho các khoản vay (bao gồm vay ngắn hạn và dài hạn) tại BIDV Phú Tài được trình bày tại thuyết minh V.20). Hiện khoản vay này đã quá hạn thanh toán, Công ty và Ngân hàng đang thực hiện các thủ tục để tái cơ cấu lại khoản vay này.
- b) Vay của chi nhánh Ngân hàng Thương mại Công Thương Phú Yên (VietinBank Phú Yên) theo hợp đồng số 01/2014-HĐTDHM/NHCT560 vào tháng 09/2014 bằng tiền Đồng Việt Nam theo hạn mức tín dụng với số tiền là 30,271 tỷ đồng để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh vận tải, du lịch, khách sạn resort, thương mại, suga.... Thời hạn duy trì hạn mức là 1 năm. Lãi suất thả nổi, áp dụng lãi suất cho vay ngắn hạn theo thông báo công bố lãi suất của VietinBank Phú Yên tại thời điểm nhận nợ và được điều chỉnh theo thông báo của ngân hàng. Lãi suất của các khoản vay là 10%/năm. Tài sản thế chấp để bảo đảm cho các khoản vay bao gồm: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất, quyền sở hữu công trình xây dựng và các tài sản xe tải, xe khách thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Thuận Thảo.

**14. Phải trả người bán**

	<b>31/12/2014</b>	<b>01/01/2014</b>
	VND	VND
Chi nhánh Công Ty TNHH Miwon Việt Nam (Đà Nẵng)	-	370.593.299
Chi nhánh Công ty TNHH Vận tải và Sửa chữa Ô tô Phát Tường (Ninh Thuận)	-	425.553.174
Chi nhánh Công ty TNHH Vận tải và Sửa chữa Ô tô Phát Tường (Quảng Nam)	533.825.280	973.217.972
Công ty dầu ăn Golden Hope (Nhà bè)	-	1.500.877.459
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Yên	-	2.460.321.548
Công ty TNHH CKL Việt Nam	798.688.800	876.227.258
DNTN Phú Thành	564.442.000	586.059.986
DNTN thương mại An Phát	11.410.000.000	-
DNTN Thương mại Kim Phúc	1.427.710.804	1.029.103.676
DNTN Xăng dầu Hiệp Thành Phát	2.517.616.859	2.013.575.285
Phải trả người bán khác	6.371.193.733	7.573.663.041
<b>Cộng</b>	<b>23.623.477.476</b>	<b>17.809.192.698</b>

**15. Người mua trả tiền trước**

	<b>31/12/2014</b>	<b>01/01/2014</b>
	VND	VND
Trả trước của khách hàng khác	494.773.674	611.579.533
<b>Cộng</b>	<b>494.773.674</b>	<b>611.579.533</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**16. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	56.018.245.513	53.697.301.208
Thuế tiêu thụ đặc biệt	61.756.560	88.853.468
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.761.345.652	6.822.552.710
Thuế thu nhập cá nhân	294.809.506	480.538.399
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	537.627.610	456.966.228
Các loại thuế khác	533.599.321	533.599.321
Các khoản khác phải nộp nhà nước (*)	29.262.576.986	-
<b>Cộng</b>	<b>92.469.961.148</b>	<b>62.079.811.334</b>

(\*) Trong năm 2013, Công ty đã không ghi nhận chi phí phạt chậm nộp thuế với số tiền là 13.186.520.476 đồng vào kết quả kinh doanh trong báo cáo tài chính năm 2013 mà thực hiện ghi nhận trực tiếp vào báo cáo tài chính năm 2014. Nếu ghi nhận đúng thì các khoản khác phải nộp nhà nước tại ngày 01/01/2014 tăng lên một khoản tương ứng.

**17. Chi phí phải trả**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Chi phí lãi vay phải trả	315.639.867.429	241.693.041.945
<b>Cộng</b>	<b>315.639.867.429</b>	<b>241.693.041.945</b>

**18. Các khoản phải trả, phải nộp khác**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Kinh phí công đoàn chưa nộp	80.220.063	45.964.543
Phải trả bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, BHTN	1.356.811.274	1.035.985.955
Kinh phí được cấp để làm đường độc lập	1.476.130.565	1.476.130.565
Công ty TNHH CHC	-	2.439.570.000
Tiền gửi của khách hàng chờ chuyển hộ	226.883.000	970.833.126
Phải trả cổ tức	657.780.000	657.780.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.708.823.511	1.785.171.791
<b>Cộng</b>	<b>5.506.648.413</b>	<b>8.411.435.980</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**19. Phải trả dài hạn khác**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Bà Võ Thị Thanh	12.025.136.708	12.025.136.708
Bà Võ Thị Minh Hằng	1.279.905.000	719.905.000
Ông Võ Thanh Hoàng Chương	701.270.000	701.270.000
Bà Đặng Thị Nguyệt Thương	330.600.000	330.600.000
Ông Võ Thanh Việt Cường	330.550.000	330.550.000
Ông Trương Trọng Cử	330.550.000	330.550.000
Ông Võ Văn Thuận	638.023.000	638.023.000
Tiền gửi của nhân viên	8.332.066.875	8.958.975.875
Ký quỹ khách hàng	526.280.168	522.336.168
<b>Cộng</b>	<b>24.494.381.751</b>	<b>24.557.346.751</b>

**20. Vay và nợ dài hạn**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Ngân hàng BIDV chi nhánh Phú Tài (a)	253.543.734.507	330.543.734.507
Ngân hàng VP Bank (b)	89.000.000	445.000.000
Ngân hàng LienVietPostbank (c)	46.366.336.018	44.931.000.000
Vay của cá nhân (d)	54.913.844.621	36.076.852.321
<b>Cộng</b>	<b>354.912.915.146</b>	<b>411.996.586.828</b>

a) Khoản vay của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Chi nhánh Phú Tài bao gồm các hợp đồng sau:

Số hợp đồng vay	Hạn mức vay	Lãi suất (năm)	Thời hạn vay	Số dư nợ gốc vay (VND)	Vay dài hạn đến hạn trả (thuyết minh V.13)
01/2006/HĐTH ngày 09/05/2006	9.000.000.000	11%	60 tháng	4.100.000.000	4.100.000.000
01/2007/HĐDH ngày 07/12/2007	40.000.000.000	11%	84 tháng	27.300.000.000	27.300.000.000
02/2007/HĐDH ngày 20/04/2007	37.000.000.000	11%	96 tháng	28.200.000.000	28.200.000.000
03/2007/HĐDH ngày 18/10/2007	25.000.000.000	11%	84 tháng	16.404.000.000	16.404.000.000
04/2007/HĐDH ngày 18/10/2007	16.500.000.000	11%	84 tháng	11.050.000.000	11.050.000.000
01/2008/HĐDH ngày 01/04/2008	319.152.000.000	11%	120 tháng	306.343.734.507	116.400.000.000
02/2008/HĐDH ngày 18/02/2008	25.000.000.000	11%	60 tháng	21.700.000.000	21.700.000.000
01/2009/HĐDH ngày 19/03/2009	105.000.000.000	11%	120 tháng	100.900.000.000	43.700.000.000
01/2009/HĐDH ngày 24/04/2009	30.000.000.000	11%	84 tháng	27.600.000.000	21.200.000.000
<b>Cộng</b>				<b>543.597.734.507</b>	<b>290.054.000.000</b>

13884  
CÔNG TY  
HỆ HỒ  
VỤ TỰ  
KH KẾ  
HỆM TỐ  
M VIỆC  
P. HỒ

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Vốn vay được sử dụng để đầu tư cho các hạng mục thuộc Công viên Văn hóa Du lịch Thuận Thảo tại số 02-03 Hải Dương, Xã Bình Ngọc, Thành Phố Tuy Hoà, Tỉnh Phú Yên và đầu tư dự án Resort tại đường Độc Lập, Phường 7, Thành Phố Tuy Hoà, Tỉnh Phú Yên. Tài sản thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn (thuyết minh V.9), trung dài hạn tại BIDV Phú Tài gồm: toàn bộ công trình trên đất và máy móc thiết bị hình thành từ vốn vay và vốn tự có thuộc Công viên Văn hóa Du lịch Thuận Thảo tại số 02-03 Hải Dương, xã Bình Ngọc, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên. Số dư gốc vay tại cuối năm là 543.597.734.507 đồng.

Số dư nợ vay đến hạn trả của các hợp đồng trên tại ngày 31/12/2014 là 290.054.000.000 đồng đã được phân loại sang nợ ngắn hạn.

- b) Vay dài hạn Ngân Hàng Thương mại Cổ Phần Việt Nam Thịnh Vượng – Chi nhánh Khánh Hòa (VP bank) để bổ sung vốn mua xe ô tô Lexus RX 350 theo Hợp đồng tín dụng số 36-11/TC-TH-XE ngày 03/03/2011; thời hạn vay là 60 tháng; lãi suất vay trong hạn được thả nổi và được điều chỉnh định kỳ 3 tháng 1 lần. Lãi suất vay trong hạn tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán đối với vay là 14%/ năm. Nợ gốc trả định kỳ 3 tháng/ lần và lãi được trả định kỳ hàng tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng chiếc xe ô tô Lexus RX 350 hình thành từ vốn vay do Công ty Cổ phần Thuận Thảo sở hữu. Số dư gốc vay tại cuối năm là 445.000.000 đồng.

Số dư nợ vay đến hạn trả của hợp đồng này tại ngày 31/12/2014 là 356.000.000 đồng đã được phân loại sang nợ ngắn hạn.

- c) Vay dài hạn Ngân Hàng Thương mại Cổ Phần Bưu Điện Liên Việt – Chi nhánh Khánh Hòa (LienVietPostBank) bằng VND để tài trợ thuê tài chính và tái tài trợ nguồn vốn đã đầu tư mua các phương tiện vận tải theo Hợp đồng tín dụng số 61013/0027/TTKD ngày 16/05/2013; thời hạn vay là 48 tháng; lãi suất vay trong hạn được thả nổi và được điều chỉnh định kỳ 3 tháng 1 lần. Lãi suất vay trong hạn tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán đối với vay là 11%/ năm. Nợ gốc trả định kỳ 3 tháng/ lần và lãi được trả định kỳ hàng tháng. Số dư gốc vay tại cuối năm là 53.663.774.906 đồng .

Số dư nợ vay đến hạn trả của hợp đồng này tại ngày 31/12/2014 là 7.297.438.888 đồng đã được phân loại sang nợ ngắn hạn.

- d) Khoản vay của Bà Võ Thị Thanh (Chủ tịch Hội đồng quản trị) theo Hợp đồng vay được ký kết ngày 01/03/2010 và các phụ lục hợp đồng bổ sung; số tiền vay tối đa là 120.000.000.000 đồng nhằm bổ sung vốn đầu tư và kinh doanh cho Công ty; thời hạn trả nợ cuối cùng vào ngày 28/02/2015; lãi suất vay theo thoả thuận từng đợt; thanh toán lãi vay vào thời điểm cuối mỗi năm hoặc theo thoả thuận khác. Công ty không phải trả lãi vay cho khoản vay này.

**21. Doanh thu chưa thực hiện**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Doanh thu chưa thực hiện phát sinh từ cung cấp dịch vụ vận tải hành khách	1.756.873.882	-
<b>Cộng</b>	<b>1.756.873.882</b>	<b>-</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**22. Vốn chủ sở hữu**

**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Số dư đầu năm trước	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Đơn vị tính: VND	
						Tổng cộng	%
Số dư đầu năm trước	435.030.000.000	9.022.107.363	2.506.140.934	3.660.166.685	450.218.414.982		
Tăng vốn trong năm trước							
Lãi trong năm trước		116.074.028	58.037.014	702.930.690	702.930.690		
Trích các quỹ				(266.970.264)	(92.859.222)		
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>435.030.000.000</b>	<b>9.138.181.391</b>	<b>2.564.177.948</b>	<b>4.096.127.111</b>	<b>450.828.486.450</b>		
Lỗ trong năm nay				(186.627.948.636)	(186.627.948.636)		
Trích các quỹ		70.293.069	35.146.535	(161.674.060)	(56.234.456)		
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>435.030.000.000</b>	<b>9.208.474.460</b>	<b>2.599.324.483</b>	<b>(182.693.495.585)</b>	<b>264.144.303.358</b>		

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

Vốn góp của nhà nước  
Vốn góp của các đối tượng khác

	31/12/2014		01/01/2014	
	VND	%	VND	%
Vốn góp của nhà nước	435.030.000.000	100	435.030.000.000	100
Vốn góp của các đối tượng khác	435.030.000.000	100	435.030.000.000	100
<b>Cộng</b>				

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	<b>Năm nay</b> <b>VND</b>	<b>Năm trước</b> <b>VND</b>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	435.030.000.000	435.030.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	435.030.000.000	435.030.000.000

**d) Cổ phiếu**

	<b>31/12/2014</b>	<b>01/01/2014</b>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	43.503.000	43.503.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	43.503.000	43.503.000
- Cổ phiếu phổ thông	43.503.000	43.503.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	43.503.000	43.503.000
- Cổ phiếu phổ thông	43.503.000	43.503.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

	<b>Năm nay</b> <b>VND</b>	<b>Năm trước</b> <b>VND</b>
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>221.593.088.288</b>	<b>285.341.970.597</b>
Doanh thu cung cấp dịch vụ vận tải hành khách, hàng hóa và taxi	123.777.804.033	172.530.495.658
Doanh thu kinh doanh du lịch, khách sạn và nhà hàng	54.539.820.674	61.571.771.687
Doanh thu kinh doanh thương mại	34.341.508.253	41.984.633.902
Doanh thu thành phẩm nước uống tinh khiết	8.933.955.328	9.255.069.350
<b>2. Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>314.656.297</b>	<b>741.529.665</b>
Giảm giá hàng bán	454.545	-
Hàng bán bị trả lại	218.125.240	549.619.407
Thuế tiêu thụ đặc biệt	96.076.512	191.910.258
<b>3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>221.278.431.991</b>	<b>284.600.440.932</b>
Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ vận tải hành khách, hàng hóa và taxi	123.777.804.033	172.530.495.658
Doanh thu thuần kinh doanh du lịch, khách sạn và nhà hàng	54.443.744.162	61.379.861.429
Doanh thu thuần kinh doanh thương mại	34.341.508.253	41.984.633.902
Doanh thu thuần thành phẩm nước uống tinh khiết	8.715.375.543	8.705.449.943



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**4. Giá vốn hàng bán**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn của dịch vụ vận tải hành khách, hàng hóa và taxi	119.191.568.994	154.374.951.126
Giá vốn kinh doanh du lịch, khách sạn và nhà hàng	45.690.423.436	58.549.674.453
Giá vốn kinh doanh thương mại	34.156.495.079	42.215.060.126
Giá vốn thành phẩm nước uống tinh khiết	4.695.415.496	5.349.040.217
<b>Cộng</b>	<b>203.733.903.005</b>	<b>260.488.725.922</b>

**5. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	8.397.688	13.016.798
Lãi cho vay	-	57.600.000.000
<b>Cộng</b>	<b>8.397.688</b>	<b>57.613.016.798</b>

**6. Chi phí tài chính**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền vay	91.766.827.899	100.479.066.204
Chi phí tài chính khác	-	-
<b>Cộng</b>	<b>91.766.827.899</b>	<b>100.479.066.204</b>

**7. Chi phí bán hàng**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí cho nhân viên	4.297.962.579	1.835.269.618
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ	3.309.684.167	2.608.499.977
Chi phí khấu hao tài sản cố định	16.290.240.835	14.690.519.001
Chi phí dịch vụ mua ngoài	398.817.996	3.543.752.431
Chi phí bằng tiền khác	4.183.868.911	2.534.051.712
<b>Cộng</b>	<b>28.480.574.488</b>	<b>25.212.092.739</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**8. Chi phí Quản lý doanh nghiệp**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí cho nhân viên	12.973.507.111	18.270.802.465
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ	761.150.482	3.702.333.800
Chi phí khấu hao tài sản cố định	9.752.000.282	10.173.809.961
Phân bổ lợi thế thương mại	24.665.356.776	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.193.842.459	3.031.807.221
Chi phí bằng tiền khác	2.841.434.749	3.204.103.013
<b>Cộng</b>	<b>56.187.291.859</b>	<b>38.382.856.460</b>

**9. Thu nhập khác**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thu thanh lý tài sản cố định	2.528.909.091	2.775.454.545
Nợ không phải trả	-	80.056.399.000
Thu nhập khác	2.535.200.698	3.914.956.627
<b>Cộng</b>	<b>5.064.109.789</b>	<b>86.746.810.172</b>

**10. Chi phí khác**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý	2.292.633.922	2.696.275.877
Xử lý kiểm kê thiếu	287.069.364	-
Chi phí thuế chậm nộp	29.262.576.986	-
Chi phí khác	968.010.581	697.722.669
<b>Cộng</b>	<b>32.810.290.853</b>	<b>3.393.998.546</b>

**11. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được xác định với thuế suất là 22% trên thu nhập chịu thuế. Năm 2013 thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 25%. Trong năm Công ty bị lỗi nên không phát sinh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp, Công ty không thực hiện ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại đối với các khoản lỗ tính thuế trong năm do không chắc chắn sẽ có được lợi nhuận chịu thuế trong tương lai để thu hồi tài sản thuế thu nhập hoãn lại nếu được ghi nhận.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

1388  
 NG TY  
 HỘNH  
 V T U  
 H KẾ T  
 EN T O  
 I VIỆ  
 HỘ C

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Bảng ước tính mức thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được trình bày dưới đây:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(186.627.948.636)	1.003.528.031
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm	54.129.761.775	198.861.335
- Điều chỉnh tăng	54.129.761.775	198.861.335
- Điều chỉnh giảm	-	-
Tổng thu nhập tính thuế	(132.498.186.861)	1.202.389.366
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	22%	25%
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>-</b>	<b>300.597.341</b>
<b>12. Lãi (lỗ) cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>Năm nay VND</b>	<b>Năm trước VND</b>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(186.627.948.636)	702.930.690
Các khoản điều chỉnh	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(186.627.948.636)	702.930.690
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	43.503.000	43.503.000
<b>Lãi (lỗ) cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>(4.290)</b>	<b>16</b>
<b>13. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố</b>	<b>Năm nay VND</b>	<b>Năm trước VND</b>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	102.145.585.941	149.487.828.278
Chi phí nhân công	50.979.225.426	51.418.428.813
Chi phí khấu hao tài sản cố định	63.360.074.968	38.833.524.484
<i>Trong đó: phân bổ lợi thế thương mại</i>	<i>24.665.356.776</i>	<i>-</i>
Chi phí dịch vụ mua ngoài	28.175.696.501	31.168.240.685
Chi phí khác bằng tiền	9.563.803.189	10.960.592.735
<b>Cộng</b>	<b>254.224.386.025</b>	<b>281.868.614.995</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm**

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

**2. Thông tin về các bên liên quan**

Trong năm, Công ty phát sinh các nghiệp vụ chủ yếu với các bên liên quan như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị giao dịch (VND)
Công ty Cổ phần Thuận Thảo Nam Sài Gòn	Bên liên quan	Thu lãi cho vay	3.967.500.000
Bà Võ Thị Thanh	Bên liên quan	Thu khác	11.033.000.000
		Vay tiền	25.484.100.000
		Trả tiền vay	(8.547.107.700)
Bà Võ Thanh Minh Hằng	Bên liên quan	Mượn tiền	620.000.000
Ông Huỳnh Sỹ Chiến	Bên liên quan	Trả tiền vay	(190.000.000)
Bà Đặng Thị Nguyệt Thương	Bên liên quan	Vay tiền	650.000.000
		Trả tiền vay	(1.350.000.000)

Cho đến ngày 31/12/2014, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan như sau :

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị khoản phải thu/ (phải trả) (VND)
Công ty Cổ phần Thuận Thảo Nam Sài Gòn	Bên liên quan	Phải thu cho vay	400.000.000.000
Bà Võ Thị Thanh	Bên liên quan	Phải thu lãi cho vay	53.632.500.000
		Phải trả tiền mượn	(12.025.136.708)
		Phải trả tiền vay	(54.913.844.621)
		Trả trước người bán	30.000.000.000
Ông Võ Thanh Hoàng Chương	Bên liên quan	Phải trả tiền mượn	(701.270.000)
Bà Võ Thanh Minh Hằng	Bên liên quan	Phải trả tiền mượn	(1.279.905.000)
Ông Võ Thanh Việt Cường	Bên liên quan	Phải trả tiền mượn	(330.550.000)
Ông Võ Văn Thuận	Bên liên quan	Phải trả tiền mượn	(638.023.000)
Bà Đặng Thị Nguyệt Thương	Bên liên quan	Phải trả tiền mượn	(330.600.000)

Thu nhập của thành viên Hội đồng Quản Trị, Ban điều hành trong năm như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lương, thưởng và phúc lợi khác	2.139.988.000	2.218.644.000
<b>Cộng</b>	<b>2.139.988.000</b>	<b>2.218.644.000</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**3. Báo cáo bộ phận**

**Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý**

Công ty chỉ hoạt động trong khu vực địa lý Việt Nam.

**Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Các bộ phận kinh doanh của công ty như sau :

- Kinh doanh vận tải : bao gồm vận tải hành khách, vận tải hàng hóa, taxi, dịch vụ bến xe, kho bãi và các dịch vụ khác có liên quan.
- Kinh doanh du lịch và khách sạn : bao gồm khách sạn, nhà hàng dịch vụ ăn uống, giải khát, kinh doanh khu du lịch, vui chơi, giải trí, kinh doanh và điều hành du lịch...
- Kinh doanh thương mại: bao gồm bán buôn và bán lẻ hàng hóa
- Sản xuất nước tinh khiết : bao gồm nước uống tinh khiết đóng chai và sản xuất nước đá tinh khiết.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THUAN THẢO**

Số 03 Hải Dương, Thành Phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Năm 2014	Kinh doanh vận tải	Kinh doanh du lịch và khách sạn	Kinh doanh thương mại	Sản xuất nước tinh khiết	Tổng cộng
Doanh thu bộ phận	123.809.877.672	54.713.474.773	37.393.624.240	8.766.421.902	224.683.398.587
Các chi phí trực tiếp	(133.919.585.382)	(89.642.691.014)	(180.981.080.624)	(8.435.526.708)	(412.978.883.728)
<b>Kết quả kinh doanh bộ phận</b>	<b>(10.109.707.710)</b>	<b>(34.929.216.241)</b>	<b>(143.587.456.384)</b>	<b>330.895.194</b>	<b>(188.295.485.141)</b>
Các chi phí không phân bổ	-	-	-	-	8.397.688
Doanh thu tài chính	4.660	3.658.575	4.734.453	-	1.659.138.817
Thu nhập khác	153.168.492	241.307.230	1.214.918.470	49.744.625	(186.627.948.636)
Tổng Lợi nhuận trước thuế					
Chi phí thuế TNDN					
<b>Lợi nhuận sau thuế trong năm</b>					<b>(186.627.948.636)</b>
<b>Vào ngày 31/12/2014</b>					
<b>Tài sản và nợ phải trả</b>					
Tài sản của bộ phận	83.170.916.960	807.941.426.071	125.291.704.760	2.204.947.360	1.018.608.995.151
Tài sản không phân bổ					483.632.500.000
<b>Tổng tài sản</b>					<b>1.502.241.495.151</b>
Nợ phải trả của bộ phận	70.792.867.852	620.041.104.366	13.046.970.349	202.128.178	704.083.070.745
Nợ phải trả không phân bổ					534.014.121.048
<b>Tổng nợ phải trả</b>					<b>1.238.097.191.793</b>

Đơn vị tính: VND



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Năm 2013	Kinh doanh vận tải	Kinh doanh du lịch và khách sạn	Kinh doanh thương mại	Sản xuất nước tinh khiết	Tổng cộng
Doanh thu bộ phận	172.530.495.658	61.379.861.429	41.984.633.902	8.705.449.943	284.600.440.932
Các chi phí trực tiếp	(158.561.073.886)	(98.938.261.957)	(42.215.060.126)	(7.387.681.010)	(307.102.076.979)
<b>Kết quả kinh doanh bộ phận</b>	<b>13.969.421.772</b>	<b>(37.558.400.528)</b>	<b>(230.426.224)</b>	<b>1.317.768.933</b>	<b>(22.501.636.047)</b>
Các chi phí không phân bổ	-	3.833.152	-	-	(120.854.662.892)
Doanh thu tài chính không phân bổ	-	-	-	-	3.833.152
Thu nhập khác phân bổ	-	104.031.974	-	-	57.609.183.646
Thu nhập khác không phân bổ	-	-	-	-	104.031.974
Tổng Lợi nhuận trước thuế	-	-	-	-	86.642.778.198
Chi phí thuế TNDN	-	-	-	-	1.003.528.031
<b>Lợi nhuận sau thuế trong năm</b>	-	-	-	-	<b>(300.597.341)</b>

<b>Vào ngày 31/12/2013</b>					
<b>Tài sản và nợ phải trả</b>					
Tài sản của bộ phận	86.627.238.812	821.931.120.987	153.931.786.293	536.132.975	1.063.026.279.067
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	512.591.119.748
<b>Tổng tài sản</b>					<b>1.575.617.398.815</b>
Nợ phải trả của bộ phận	8.450.206.133	316.129.378.052	8.298.548.203	-	332.878.132.388
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	791.910.779.977
<b>Tổng nợ phải trả</b>					<b>1.124.788.912.365</b>

Đơn vị tính: VND

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**4. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính**

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	299.754.211	333.926.044	299.754.211	333.926.044
Cho vay	400.000.000.000	400.000.000.000	400.000.000.000	400.000.000.000
Phải thu khách hàng	2.207.993.288	14.650.627.982	2.207.993.288	14.650.627.982
Phải thu khác	96.093.147.666	103.249.497.939	96.093.147.666	103.249.497.939
<b>Cộng</b>	<b>498.600.895.165</b>	<b>518.234.051.965</b>	<b>498.600.895.165</b>	<b>518.234.051.965</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Các khoản vay	768.762.268.800	764.471.131.971	768.762.268.800	764.471.131.971
Chi phí phải trả	315.639.867.429	241.693.041.945	315.639.867.429	241.693.041.945
Phải trả người bán	23.623.477.476	17.809.192.698	23.623.477.476	17.809.192.698
Phải trả khác	30.320.872.709	31.886.832.233	30.320.872.709	31.886.832.233
<b>Cộng</b>	<b>1.138.346.486.414</b>	<b>1.055.860.198.847</b>	<b>1.138.346.486.414</b>	<b>1.055.860.198.847</b>

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Phương pháp và giả định sau đây được sử dụng để ước tính giá trị hợp lý :

Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) phần lớn xấp xỉ với giá trị ghi sổ do kỳ hạn ngắn hạn của những công cụ này.

Giá trị hợp lý của các khoản vay và các khoản phải trả khác dài hạn được ước tính bằng cách chiết khấu dòng tiền với lãi suất áp dụng cho các khoản nợ có đặc điểm và thời gian đáo hạn còn lại tương tự. Giá trị hợp lý của các khoản nợ phải trả tài chính này tương đương giá trị sổ sách do ảnh hưởng của việc chiết khấu là không đáng kể.

**5. Tài sản đảm bảo**

Công ty có một số tài sản đảm bảo thế chấp đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng vào ngày 31/12/2014 (xem thuyết minh V.9, V.13 và V.20). Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo của đơn vị khác vào ngày 31/12/2013 và vào ngày 31/12/2014.

**6. Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà đối tác sẽ không thực hiện các nghĩa vụ của mình theo quy định của một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình bao gồm cả tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

**Phải thu khách hàng**

Việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng của Công ty dựa trên các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

1884  
 G T  
 NH  
 TU  
 KẾ  
 TO  
 VIẾ  
 HỌ

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Các khoản phải thu khách hàng chưa trả thường xuyên được theo dõi. Các phân tích về khả năng lập dự phòng được thực hiện tại ngày lập báo cáo trên cơ sở từng khách hàng đối với các khách hàng lớn. Trên cơ sở này, Công ty không có rủi ro tập trung về tín dụng.

### Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

## 7. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ tài chính do tình trạng thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty phát sinh chủ yếu do không tương xứng trong các kỳ hạn của tài sản tài chính và các khoản phải trả tài chính.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những thay đổi các luồng tiền.

Thông tin thời hạn đáo hạn của nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các giá trị thanh toán chưa chiết khấu theo hợp đồng như sau:

	Từ 01 năm trở xuống	Từ 01 năm đến 05 năm	Cộng
<b>Số cuối năm</b>	<b>757.182.315.635</b>	<b>381.164.170.779</b>	<b>1.138.346.486.414</b>
Các khoản vay	413.849.353.654	354.912.915.146	768.762.268.800
Chi phí phải trả	315.639.867.429	-	315.639.867.429
Phải trả người bán	23.623.477.476	-	23.623.477.476
Phải trả khác	4.069.617.076	26.251.255.633	30.320.872.709
<b>Số đầu năm</b>	<b>619.306.265.268</b>	<b>436.553.933.579</b>	<b>1.055.860.198.847</b>
Các khoản vay	352.474.545.143	411.996.586.828	764.471.131.971
Chi phí phải trả	241.693.041.945	-	241.693.041.945
Phải trả người bán	17.809.192.698	-	17.809.192.698
Phải trả khác	7.329.485.482	24.557.346.751	31.886.832.233

## 8. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm: Rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá nhiên liệu và rủi ro về giá khác.

### Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Công ty không có rủi ro ngoại tệ do việc mua và bán hàng hóa, dịch vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ là Đồng Việt Nam.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**Rủi ro lãi suất**

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi lãi suất thị trường. Rủi ro về thay đổi lãi suất thị trường của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan để xác định chính sách lãi suất hợp lý có lợi cho các mục đích quản lý giới hạn rủi ro của Công ty.

**Rủi ro về giá khác**

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

Các cổ phiếu do công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

**9. Thông tin về hoạt động kinh doanh và thanh khoản**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014, Công ty lỗ thuần (186.627.948.636) đồng và tại ngày đó, các khoản nợ ngắn hạn của Công ty đã vượt quá tài sản ngắn hạn của công ty (318.544.147.666) đồng. Những điều kiện này, cùng những vấn đề khác như các khoản vay đến hạn trả và lãi vay chưa thanh toán (xem thuyết minh V.13, V.17), các khoản thuế và lãi phạt chậm nộp thuế (xem thuyết minh V.16), cho thấy Công ty gặp áp lực về thanh khoản. Trước thực trạng này, Ban lãnh đạo Công ty sẽ thực hiện với các bên cho vay xin giảm, miễn lãi vay, thực hiện cơ cấu lại nợ vay, lãi vay và làm việc lại với cơ quan thuế để xin giảm miễn cho các khoản thuế nợ, yêu cầu cổ đông lớn và các bên liên quan sẽ hỗ trợ công ty để thanh toán nợ đến hạn. Ngoài ra, Công ty thực hiện tiết giảm chi phí hoạt động như là: giảm lương, tăng giờ làm, tái cơ cấu lại bộ máy nhân sự. Với những biện pháp này, Ban lãnh đạo Công ty tin rằng tình hình rủi ro về thanh khoản sẽ được kiểm soát và cải thiện, hoạt động kinh doanh trong năm 2015 của Công ty sẽ được cải thiện và tiếp tục duy trì hoạt động kinh doanh bình thường của Công ty.

**10. Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 do Công ty TNHH Kiểm toán FAC kiểm toán.

Người lập biểu

Huỳnh Thị Khoa Trâm

Ngày 27 tháng 03 năm 2015

Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Như

Tổng Giám đốc



Vũ Thị Thanh